

THÔNG BÁO

Về việc hoàn thành học phí đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy học kỳ I năm học 2023-2024 của Trường Đại học Luật Hà Nội

Căn cứ Quyết định số 2466/QĐ- ĐHLHN ngày 07/6/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc quy định mức thu học phí trình độ đại học năm học 2023-2024 của Trường Đại học Luật Hà Nội;

Theo Kế hoạch giảng dạy học kỳ I năm học 2023-2024 của Trường Đại học Luật Hà Nội.

Ngày 24/10/2023, Trường Đại học Luật Hà Nội đã có Thông báo số 4683/TB-ĐHLHN về việc tổ chức học phí học kỳ I năm học 2023-2024 đối với sinh viên thuộc các khóa đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy (gồm các hình thức đào tạo: chính quy; chính quy theo nhu cầu xã hội; Chính quy theo địa chỉ sử dụng; Chính quy theo nhu cầu nhân lực của các tỉnh thuộc khu vực 3 Tây; Chính quy do Bộ Quốc phòng gửi đào tạo. Theo đó, Trường tổ chức thu học phí học kỳ I năm học 2023-2024 đến hết ngày 17/11/2023.

Đến thời điểm hiện tại, còn một số sinh viên chưa hoàn thành nghĩa vụ học phí của học kỳ I năm học 2023-2024 (*chi tiết theo danh sách đính kèm*).

Trường Đại học Luật Hà Nội tiếp tục thông báo để sinh viên hoàn thành nghĩa vụ học phí như sau:

1. Mức thu học phí:

Học phí phải nộp trong kỳ = Mức thu học phí của 01 tín chỉ x Số tín chỉ đăng ký học trong kỳ.

Trong đó:

- Mức thu học phí của 01 tín chỉ:

TT	Khóa đào tạo	Mức thu học phí (đồng/tín chỉ)	
		Sinh viên các lớp tuyển sinh tại trụ sở chính	Sinh viên tại Phân hiệu và các cơ sở đào tạo khác chuyển đến học tại trụ sở chính
1	Khóa 43 trở về trước (Tuyển sinh trước năm học 2019-2020):	535.000	823.000
2	Khóa 44 (Tuyển sinh năm học 2019-2020):	520.000	800.000
3	Khóa 45 (Tuyển sinh năm học 2020-2021):	523.000	805.000
4	Khóa 46 (Tuyển sinh năm học 2021-2022):	523.000	805.000

5	Khóa 47 (Tuyển sinh năm học 2022-2023):	685.000	805.000
---	---	---------	---------

- Số tín chỉ đăng ký học trong kỳ: Là số tín chỉ học kỳ I năm học 2023-2024 sinh viên đã thực hiện đăng ký tham gia học trên trang đăng ký học của Trường.

2. Thông tin và hình thức thu học phí:

- Hình thức thu học phí: Chuyển khoản

- Thông tin nộp tiền học phí:

Tên tài khoản: Trường Đại học Luật Hà Nội

Tài khoản số: 999 998 819 998 mở tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô.

- Nội dung chuyển tiền: **Họ và tên sinh viên - mã sinh viên**

Lưu ý:

(i) Để phục vụ đối soát học phí (học phí vào đúng đối tượng sinh viên phải nộp học phí), đề nghị khi chuyển tiền **ghi đúng các nội dung nêu trên**. Trường hợp không đúng từ khóa, học phí sẽ không vào đúng đối tượng sinh viên phải nộp tiền thì Trường sẽ không chịu trách nhiệm.

(ii) Tài khoản trên là tài khoản chuyên thu của Trường Đại học Luật Hà Nội mở tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Đông Đô, chỉ cho phép nhận tiền trong khoảng thời gian quy định như thông báo tại điểm 3 (sau thời gian này tài khoản nhận tiền sẽ đóng lại, không thực hiện được lệnh chuyển tiền vào tài khoản này).

(iii) Trường hợp chuyển tiền từ ngân hàng khác Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt thì cần lưu ý thông báo lệnh chuyển tiền thành công, tránh trường hợp tiền bị trả lại do liên ngân hàng hạch toán chậm.

3. Thời gian thu bổ sung học phí: **Từ ngày 26/01/2024 đến hết ngày 25/02/2024.**

4. Trường Đại học Luật Hà Nội thực hiện tạm thu học phí theo mức học phí đã ban hành, sau khi có Quyết định điều chỉnh Trường sẽ thực hiện bù trừ phần đã thu cao hơn vào học phí các kỳ tiếp theo của sinh viên.

5. Trường hợp sinh viên thuộc đối tượng được hưởng chế độ miễn, giảm học phí theo quy định đã thực hiện nộp tiền học phí, Trường đã làm thủ tục tại kho bạc chi trả lại phần được miễn, giảm cho sinh viên.

6. Thông tin liên hệ: Trong quá trình thực hiện, mọi thắc mắc vui lòng liên hệ Phòng Tài chính - Kế toán, địa chỉ: Phòng A102 toà nhà A; điện thoại 024.38355774; hòm thư điện tử: hocphihtlu@gmail.com ./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Phòng ĐTDH (để thực hiện);
- Phòng CTSV (để thực hiện);
- Trung tâm CNTT (để phối hợp);
- NH TMCP Bưu điện Liên Việt CN Đông Đô (để phối hợp);
- Đăng Cổng thông tin điện tử của Trường ĐH Luật Hà Nội;
- Lưu: VT, TCKT.



BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH SINH VIÊN CLC KHÓA K44 NỢ HỌC PHÍ

Học kỳ I năm học 2023-2024

(Kèm theo Thông báo số 199 /TB-ĐHLHN ngày 25 /01/2024 của Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức học phí/ tín chỉ	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn phải nộp
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện			
1	440147	Nguyễn Thị Thu	Hiền	4401	BT	520.000	8	0	0	4.160.000	0	0	4.160.000	0	4.160.000
2	440162	Lê Thị	Thảo	4401	BT	520.000	14	10	0	7.280.000	5.200.000	0	12.480.000	0	12.480.000
3	443343	Đoàn Linh	Hoa	4401	BT	520.000	7	0	0	3.640.000	0	0	3.640.000	0	3.640.000
4	440225	Trịnh Viết	Cường	4402	BT	520.000	2	0	0	1.040.000	0	0	1.040.000	0	1.040.000
5	440249	Nguyễn Đức	Hoàng	4402	BT	520.000	0	3	0	0	1.560.000	0	1.560.000	0	1.560.000
6	440252	Đồng Sỹ	Nguyên	4402	BT	520.000	3	7	0	1.560.000	3.640.000	0	5.200.000	0	5.200.000
7	440313	Dương Văn	Mạnh	4403	BT	520.000	2	0	0	1.040.000	0	0	1.040.000	0	1.040.000
8	440349	Nguyễn Trà	My	4403	BT	520.000	2	0	0	1.040.000	0	0	1.040.000	0	1.040.000
9	440353	Hà Huy	Tùng	4403	BT	520.000	2	0	0	1.040.000	0	0	1.040.000	0	1.040.000
10	440356	Nghiêm Đình Đức	Trung	4403	BT	520.000	4	6	0	2.080.000	3.120.000	0	5.200.000	4.556.000	644.000
11	440408	Đào Giang	Từ	4404	BT	520.000	0	4	0	0	2.080.000	0	2.080.000	0	2.080.000
12	440409	Nguyễn Thị Mai	Anh	4404	BT	520.000	2	0	0	1.040.000	0	0	1.040.000	0	1.040.000
13	440411	Nguyễn Quốc	Anh	4404	BT	520.000	4	0	0	2.080.000	0	0	2.080.000	0	2.080.000
14	440421	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	4404	BT	520.000	2	0	0	1.040.000	0	0	1.040.000	0	1.040.000
15	440451	Trần Anh	Vũ	4404	BT	520.000	2	0	0	1.040.000	0	0	1.040.000	0	1.040.000
16	440519	Nguyễn Chí	Lâm	4405	BT	520.000	2	3	0	1.040.000	1.560.000	0	2.600.000	0	2.600.000
17	440529	Vũ Thị Nhật	Lệ	4405	BT	520.000	3	0	0	1.560.000	0	0	1.560.000	0	1.560.000
18	440548	Nguyễn Thị Hoài	Thu	4405	BT	520.000	0	7	0	0	3.640.000	0	3.640.000	0	3.640.000
19	440549	Nguyễn Thị	Khoa	4405	BT	520.000	0	4	0	0	2.080.000	0	2.080.000	0	2.080.000
20	440553	Đoàn Duy	Anh	4405	BT	520.000	4	0	0	2.080.000	0	0	2.080.000	0	2.080.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức học phí/ tín chỉ	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn phải nộp
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện			
21	440560	Kiêng Đức	Minh	4405	BT	520.000	0	4	0	0	2.080.000	0	2.080.000	0	2.080.000
22	440563	Hoàng Thị Bích	Nga	4405	BT	520.000	0	3	0	0	1.560.000	0	1.560.000	0	1.560.000
23	440566	A Viết	Sưu	4405	BT	520.000	9	0	0	4.680.000	0	0	4.680.000	0	4.680.000
24	440605	Nguyễn Trung	Hiếu	4406	BT	520.000	2	0	0	1.040.000	0	0	1.040.000	0	1.040.000
25	440636	Vũ Ngọc	Bích	4406	BT	520.000	6	0	0	3.120.000	0	0	3.120.000	0	3.120.000
26	440664	Lường Đức	Mạnh	4406	BT	520.000	9	13	0	4.680.000	6.760.000	0	11.440.000	0	11.440.000
27	440713	Vũ Quang	Dũng	4407	BT	520.000	23	0	0	11.960.000	0	0	11.960.000	0	11.960.000
28	440714	Đào Thị	Hà	4407	BT	520.000	0	4	0	0	2.080.000	0	2.080.000	0	2.080.000
29	440721	Phạm Ngọc	ý	4407	BT	520.000	4	4	0	2.080.000	2.080.000	0	4.160.000	0	4.160.000
30	440815	Nguyễn Trung	Đạt	4408	BT	520.000	4	4	0	2.080.000	2.080.000	0	4.160.000	0	4.160.000
31	440832	Dương Hoài	Thu	4408	BT	520.000	0	13	0	0	6.760.000	0	6.760.000	0	6.760.000
32	440861	Đặng Thanh	Khiết	4408	BT	520.000	0	4	0	0	2.080.000	0	2.080.000	0	2.080.000
33	440902	Phạm Trần Huy	Cảnh	4409	BT	520.000	0	4	0	0	2.080.000	0	2.080.000	0	2.080.000
34	440917	Phạm Thị Lan	Anh	4409	BT	520.000	2	0	0	1.040.000	0	0	1.040.000	0	1.040.000
35	440933	Trần Ngọc	Anh	4409	BT	520.000	4	0	0	2.080.000	0	0	2.080.000	0	2.080.000
36	440937	Nguyễn Quý	Anh	4409	BT	520.000	0	4	0	0	2.080.000	0	2.080.000	0	2.080.000
37	440949	Bạch Văn	Quang	4409	BT	520.000	2	0	0	1.040.000	0	0	1.040.000	0	1.040.000
38	441012	Trần Anh	Kiệt	4410	BT	520.000	0	0	4	0	0	2.080.000	2.080.000	0	2.080.000
39	441065	Nguyễn Hải	Tùng	4410	BT	520.000	0	2	0	0	1.040.000	0	1.040.000	0	1.040.000
40	441128	Bùi Hải	Yến	4411	BT	520.000	3	0	0	1.560.000	0	0	1.560.000	0	1.560.000
41	441131	Lù Chấn	Liêm	4411	BT	520.000	5	0	0	2.600.000	0	0	2.600.000	0	2.600.000
42	441138	Mai Trung	Đức	4411	BT	520.000	0	2	0	0	1.040.000	0	1.040.000	0	1.040.000
43	441155	Nguyễn Chí	Nguyên	4411	BT	520.000	11	0	0	5.720.000	0	0	5.720.000	0	5.720.000
44	441166	Dương Khánh	Hà	4411	BT	520.000	10	11	0	5.200.000	5.720.000	0	10.920.000	0	10.920.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức học phí/ tín chỉ	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn phải nộp
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện			
45	441227	Nguyễn Thanh	Hải	4412	BT	520.000	15	2	0	7.800.000	1.040.000	0	8.840.000	0	8.840.000
46	441240	Nguyễn Ngọc	Châu	4412	BT	520.000	0	4	0	0	2.080.000	0	2.080.000	0	2.080.000
47	441245	Lê Ngọc	Duyên	4412	BT	520.000	5	0	0	2.600.000	0	0	2.600.000	0	2.600.000
48	441259	Hồ Việt	Dũng	4412	BT	520.000	13	4	0	6.760.000	2.080.000	0	8.840.000	0	8.840.000
49	441263	Hà Việt	Huy	4412	BT	520.000	4	8	0	2.080.000	4.160.000	0	6.240.000	0	6.240.000
50	441356	Nông Quốc	Vượng	4413	BT	520.000	2	0	0	1.040.000	0	0	1.040.000	0	1.040.000
51	441361	Hoàng Văn	An	4413	BT	520.000	3	0	0	1.560.000	0	0	1.560.000	0	1.560.000
52	441415	Phạm Hoàng	Long	4414	BT	520.000	0	2	0	0	1.040.000	0	1.040.000	0	1.040.000
53	441445	Nguyễn Phạm Thiên	Anh	4414	BT	520.000	2	0	0	1.040.000	0	0	1.040.000	0	1.040.000
54	441458	Trần Nhật	Nam	4414	BT	520.000	0	2	0	0	1.040.000	0	1.040.000	0	1.040.000
55	441511	Bùi Thanh	Phong	4415	BT	520.000	0	2	0	0	1.040.000	0	1.040.000	0	1.040.000
56	441528	Nguyễn Sơn	Lâm	4415	BT	520.000	3	0	0	1.560.000	0	0	1.560.000	0	1.560.000
57	441541	Lê Thị Sơn	Thanh	4415	BT	520.000	8	0	0	4.160.000	0	0	4.160.000	0	4.160.000
58	441543	Nguyễn Ngọc	Diệp	4415	BT	520.000	2	0	0	1.040.000	0	0	1.040.000	0	1.040.000
59	441561	Bùi Minh	Thắng	4415	BT	520.000	5	5	0	2.600.000	2.600.000	0	5.200.000	0	5.200.000
60	441563	Nguyễn Ngọc	Diệp	4415	BT	520.000	0	4	0	0	2.080.000	0	2.080.000	0	2.080.000
61	441630	Trần Thị Huyền	My	4416	BT	520.000	0	4	0	0	2.080.000	0	2.080.000	0	2.080.000
62	441641	Vũ Ngọc	Anh	4416	BT	520.000	2	8	0	1.040.000	4.160.000	0	5.200.000	0	5.200.000
63	441644	Nguyễn Khánh	Linh	4416	BT	520.000	5	2	0	2.600.000	1.040.000	0	3.640.000	0	3.640.000
64	441645	Triệu Thị Thu	Hà	4416	BT	520.000	2	0	0	1.040.000	0	0	1.040.000	0	1.040.000
65	441646	Nguyễn Khánh	Ly	4416	BT	520.000	3	0	0	1.560.000	0	0	1.560.000	0	1.560.000
66	441647	Trần Châu	Loan	4416	BT	520.000	5	0	0	2.600.000	0	0	2.600.000	0	2.600.000
67	441713	Trần Minh	Quân	4417	BT	520.000	2	0	0	1.040.000	0	0	1.040.000	0	1.040.000
68	441714	Trần Đức	Mạnh	4417	BT	520.000	0	4	0	0	2.080.000	0	2.080.000	0	2.080.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức học phí/ tín chỉ	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn phải nộp
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện			
69	441813	Nông Quang	Hiếu	4418	BT	520.000	0	6	0	0	3.120.000	0	3.120.000	0	3.120.000
70	441835	Nguyễn Trung	Kiên	4418	BT	520.000	0	4	0	0	2.080.000	0	2.080.000	0	2.080.000
71	441841	Lê Huyền	Thanh	4418	BT	520.000	8	0	0	4.160.000	0	0	4.160.000	0	4.160.000
72	441857	Nguyễn Quỳnh	Nhi	4418	BT	520.000	7	0	0	3.640.000	0	0	3.640.000	0	3.640.000
73	441858	Hà Minh	Đức	4418	BT	520.000	10	0	0	5.200.000	0	0	5.200.000	0	5.200.000
74	441914	Nguyễn Hương	Ly	4419	BT	520.000	2	0	0	1.040.000	0	0	1.040.000	0	1.040.000
75	441915	Thân Văn	Bình	4419	BT	520.000	0	8	0	0	4.160.000	0	4.160.000	0	4.160.000
76	441943	Đỗ Nguyên	Phương	4419	BT	520.000	3	0	0	1.560.000	0	0	1.560.000	0	1.560.000
77	441957	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	4419	BT	520.000	2	0	0	1.040.000	0	0	1.040.000	0	1.040.000
78	442016	Vũ Ngọc	Anh	4420	BT	520.000	8	0	0	4.160.000	0	0	4.160.000	0	4.160.000
79	442024	Vương Thừa	Đan	4420	BT	520.000	0	4	0	0	2.080.000	0	2.080.000	0	2.080.000
80	442066	Lê Xuân	Cường	4420	BT	520.000	4	0	0	2.080.000	0	0	2.080.000	0	2.080.000
81	442131	Trần Minh	Đức	4421	BT	520.000	0	2	0	0	1.040.000	0	1.040.000	0	1.040.000
82	442221	Chu Thị Phương	Thảo	4422	BT	520.000	0	4	0	0	2.080.000	0	2.080.000	0	2.080.000
83	442305	Nguyễn Như	Dũng	4423	BT	520.000	0	2	0	0	1.040.000	0	1.040.000	0	1.040.000
84	442337	Nguyễn Quang	Vinh	4423	BT	520.000	3	0	0	1.560.000	0	0	1.560.000	0	1.560.000
85	442340	Trịnh Huy	Hoàng	4423	BT	520.000	0	3	0	0	1.560.000	0	1.560.000	0	1.560.000
86	442358	Nguyễn Thị Lan	Hương	4423	BT	520.000	2	0	0	1.040.000	0	0	1.040.000	0	1.040.000
87	442418	Phạm Mây	Linh	4424	BT	520.000	0	4	0	0	2.080.000	0	2.080.000	0	2.080.000
88	442452	Triệu Minh	Ngô	4424	BT	520.000	3	0	0	1.560.000	0	0	1.560.000	0	1.560.000
89	442457	Trần Hữu Tuấn	Trường	4424	BT	520.000	4	0	0	2.080.000	0	0	2.080.000	0	2.080.000
90	442514	Phạm Thị Quỳnh	Anh	4425	BT	520.000	2	0	0	1.040.000	0	0	1.040.000	0	1.040.000
91	442527	Nguyễn Văn Thành	Tâm	4425	BT	520.000	0	2	0	0	1.040.000	0	1.040.000	0	1.040.000
92	442655	Trương Đức	Nhân	4426	BT	520.000	0	2	0	0	1.040.000	0	1.040.000	0	1.040.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức học phí/ tín chỉ	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn phải nộp
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện			
93	442750	Nguyễn Thu	Trang	4427	BT	520.000	0	4	0	0	2.080.000	0	2.080.000	0	2.080.000
94	442811	Vũ Bình	Nguyên	4428	BT	520.000	0	5	0	0	2.600.000	0	2.600.000	0	2.600.000
95	442822	Trần Khánh	Linh	4428	BT	520.000	0	3	0	0	1.560.000	0	1.560.000	0	1.560.000
96	442841	Ngô Nguyễn Thiện	Phú	4428	BT	520.000	0	3	0	0	1.560.000	0	1.560.000	0	1.560.000
97	442906	Trần Châu	Giang	4429	BT	520.000	13	0	0	6.760.000	0	0	6.760.000	0	6.760.000
98	442909	Trần Thị Hải	Yến	4429	BT	520.000	13	0	0	6.760.000	0	0	6.760.000	0	6.760.000
99	442910	Ngô Thúy	Hằng	4429	BT	520.000	17	0	0	8.840.000	0	0	8.840.000	0	8.840.000
100	442911	Nguyễn Trí	Mạnh	4429	BT	520.000	0	7	0	0	3.640.000	0	3.640.000	0	3.640.000
101	442916	Nguyễn Ngọc	Minh	4429	BT	520.000	8	2	0	4.160.000	1.040.000	0	5.200.000	0	5.200.000
102	442917	Nguyễn Thị	Liên	4429	BT	520.000	25	0	0	13.000.000	0	0	13.000.000	0	13.000.000
103	442918	Phan Thị Bích	Ngọc	4429	BT	520.000	21	0	0	10.920.000	0	0	10.920.000	0	10.920.000
104	442920	Nguyễn Thị Thùy	Dương	4429	BT	520.000	13	0	0	6.760.000	0	0	6.760.000	0	6.760.000
105	442925	Nguyễn Trung	Dũng	4429	BT	520.000	0	2	0	0	1.040.000	0	1.040.000	0	1.040.000
106	442926	Nguyễn Thị	Hoa	4429	BT	520.000	23	0	0	11.960.000	0	0	11.960.000	0	11.960.000
107	442927	Tổng Thị	Chinh	4429	BT	520.000	22	0	0	11.440.000	0	0	11.440.000	0	11.440.000
108	442928	Lương Thị Phương	Hà	4429	BT	520.000	7	0	0	3.640.000	0	0	3.640.000	2.600.000	1.040.000
109	442938	Trần Đình	Đức	4429	BT	520.000	13	0	0	6.760.000	0	0	6.760.000	0	6.760.000
110	442944	Phan Thùy	Linh	4429	BT	520.000	10	0	0	5.200.000	0	0	5.200.000	0	5.200.000
111	442947	Nguyễn Tuấn	Hiệp	4429	BT	520.000	0	3	0	0	1.560.000	0	1.560.000	0	1.560.000
112	442955	Khúc Thanh	Huyền	4429	BT	520.000	18	0	0	9.360.000	0	0	9.360.000	0	9.360.000
113	442959	Đặng Hải	Phương	4429	BT	520.000	18	0	0	9.360.000	0	0	9.360.000	0	9.360.000
114	443006	Nguyễn Bình	Xuân	4430	BT	520.000	10	0	0	5.200.000	0	0	5.200.000	0	5.200.000
115	443010	Đỗ Thái	Sơn	4430	BT	520.000	21	0	0	10.920.000	0	0	10.920.000	0	10.920.000
116	443012	Đỗ Thùy	Dương	4430	BT	520.000	18	0	0	9.360.000	0	0	9.360.000	0	9.360.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức học phí/ tín chỉ	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn phải nộp
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện			
117	443026	Nguyễn Nhật	Quang	4430	BT	520.000	22	0	0	11.440.000	0	0	11.440.000	0	11.440.000
118	443029	Phạm Lê	Minh	4430	BT	520.000	8	0	0	4.160.000	0	0	4.160.000	0	4.160.000
119	443031	Lê Quỳnh	Chi	4430	BT	520.000	18	0	0	9.360.000	0	0	9.360.000	0	9.360.000
120	443032	Nguyễn Thùy	Linh	4430	BT	520.000	10	0	0	5.200.000	0	0	5.200.000	0	5.200.000
121	443040	Phạm Hà	Giang	4430	BT	520.000	18	0	0	9.360.000	0	0	9.360.000	0	9.360.000
122	443044	Nguyễn Thị Thanh	Tú	4430	BT	520.000	25	0	0	13.000.000	0	0	13.000.000	0	13.000.000
123	443054	Trần Trang	Nhung	4430	BT	520.000	0	13	0	0	6.760.000	0	6.760.000	0	6.760.000
124	4435003	Lê Văn Tuấn	Anh	4435	BT	520.000	4	0	0	2.080.000	0	0	2.080.000	0	2.080.000
125	4435020	Điền Phi	Hiếu	4435	BT	520.000	2	0	0	1.040.000	0	0	1.040.000	0	1.040.000
126	4435031	Vũ Thị Kim	Loan	4435	BT	520.000	15	4	0	7.800.000	2.080.000	0	9.880.000	0	9.880.000
		Tổng cộng					688	254	4	357.760.000	132.080.000	2.080.000	491.920.000	7.156.000	484.764.000

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA K45 NỢ HỌC PHÍ

Học kỳ I năm học 2023-2024

(Kèm theo Thông báo số 199/TB-ĐHLHN ngày 25/01/2024 của Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức học phí/ tín chỉ	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tiền Miễn giảm = 1.250.000 x 40th/138tc x số TC học đi x tỷ lệ MGHP	Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn nợ
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện				
1	450109	Lê Khánh	Tùng	4501	BT	523.000	11	0	0	5.753.000	0	0	0	5.753.000	0	5.753.000
2	450115	Nguyễn Văn	Phúc	4501	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	4.184.000	5.230.000
3	450118	Nguyễn Phúc	Hùng	4501	BT	523.000	6	0	4	3.138.000	0	2.092.000	0	5.230.000	0	5.230.000
4	450139	Lý Thị Mai	Anh	4501	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	0	7.845.000
5	450146	Hà Quang	Vũ	4501	BT	523.000	13	0	0	6.799.000	0	0	0	6.799.000	0	6.799.000
6	450151	Vũ Thị Hồng	Anh	4501	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	4.184.000	5.230.000
7	450155	Trịnh Thùy	Trang	4501	BT	523.000	19	0	0	9.937.000	0	0	0	9.937.000	0	9.937.000
8	450156	Vy Hoài	Phương	4501	BT	523.000	9	0	0	4.707.000	0	0	0	4.707.000	0	4.707.000
9	450211	Phan Khánh	Linh	4502	GHP50	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	3.260.870	6.153.130	4.184.000	1.969.130
10	450217	Đinh Thị	Hậu	4502	MHP	523.000	16	0	0	8.368.000	0	0	5.797.101	2.570.899	0	2.570.899
11	450218	Đàm Yến	Ngọc	4502	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	4.184.000	5.230.000
12	450220	Bùi Quang	Hiếu	4502	BT	523.000	0	2	0	0	1.046.000	0	0	1.046.000	0	1.046.000
13	450229	Vũ Thị	Chúc	4502	BT	523.000	10	0	0	5.230.000	0	0	0	5.230.000	0	5.230.000
14	450230	Thái Quỳnh	Anh	4502	BT	523.000	26	2	0	13.598.000	1.046.000	0	0	14.644.000	11.654.000	2.990.000
15	450235	Bùi Thùy	Linh	4502	BT	523.000	10	0	0	5.230.000	0	0	0	5.230.000	0	5.230.000
16	450243	Lê Thùy	Dương	4502	BT	523.000	28	0	0	14.644.000	0	0	0	14.644.000	9.414.000	5.230.000
17	450246	Nguyễn Minh	Chiến	4502	BT	523.000	16	0	0	8.368.000	0	0	0	8.368.000	0	8.368.000
18	450249	Lê Xuân	Tuấn	4502	MHP	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	6.521.739	2.892.261	0	2.892.261
19	450251	Vũ Minh	Tuấn	4502	BT	523.000	0	4	0	0	2.092.000	0	0	2.092.000	0	2.092.000
20	450302	Nguyễn Thị Thanh	Chuyên	4503	GHP70	523.000	12	0	0	6.276.000	0	0	3.043.478	3.232.522	2.554.800	677.722
21	450306	Nguyễn Việt	Hùng	4503	BT	523.000	13	0	0	6.799.000	0	0	0	6.799.000	1.569.000	5.230.000
22	450308	Kim Đức	Dũng	4503	BT	523.000	14	4	0	7.322.000	2.092.000	0	0	9.414.000	0	9.414.000
23	450310	Tạ Thùy	Dương	4503	GHP70	523.000	13	0	0	6.799.000	0	0	3.297.101	3.501.899	2.040.000	1.461.899
24	450312	Nguyễn Thị Phương	Anh	4503	BT	523.000	10	0	0	5.230.000	0	0	0	5.230.000	0	5.230.000
25	450325	Nguyễn Hiệp	Đức	4503	BT	523.000	14	4	0	7.322.000	2.092.000	0	0	9.414.000	0	9.414.000
26	450333	Nguyễn Thị Thu	Hiền	4503	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	4.184.000	5.230.000
27	450335	Nguyễn Bảo	Hân	4503	BT	523.000	14	0	0	7.322.000	0	0	0	7.322.000	0	7.322.000
28	450337	Lê Doãn Thành	Anh	4503	BT	523.000	13	4	0	6.799.000	2.092.000	0	0	8.891.000	0	8.891.000
29	450339	Trần Thị Thu	Thùy	4503	BT	523.000	16	0	0	8.368.000	0	0	0	8.368.000	0	8.368.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đôi tượng	Mức học phí/ tín chỉ	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tiền Miễn giảm = 1.250.000 x 40th/138tc x số TC học đi x tỷ lệ MGHP	Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn nợ
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện				
30	450342	Phạm Lê Ngân	Hà	4503	BT	523.000	8	0	0	4.184.000	0	0	0	4.184.000	0	4.184.000
31	450343	Nguyễn Thiên	Phú	4503	BT	523.000	8	0	0	4.184.000	0	0	0	4.184.000	0	4.184.000
32	450344	Hà Minh	Hùng	4503	BT	523.000	16	0	0	8.368.000	0	0	0	8.368.000	0	8.368.000
33	450355	Lù Thị	Liên	4503	GHP70	523.000	11	0	0	5.753.000	0	0	2.789.855	2.963.145	1.726.000	1.237.145
34	450407	Nguyễn Tuấn	Kiệt	4504	BT	523.000	10	0	6	5.230.000	0	3.138.000	0	8.368.000	3.138.000	5.230.000
35	450411	Mai Linh	Chi	4504	BT	523.000	8	0	0	4.184.000	0	0	0	4.184.000	0	4.184.000
36	450420	Triệu Thu	Nguyệt	4504	GHP70	523.000	9	0	0	4.707.000	0	0	2.282.609	2.424.391	1.412.100	1.012.291
37	450421	Nguyễn Tuấn	Công	4504	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000
38	450422	Hoàng Thị	Bán	4504	GHP70	523.000	3	4	0	1.569.000	2.092.000	0	760.870	2.900.130	1.098.300	1.801.830
39	450425	Lê Nhật	Hoàn	4504	BT	523.000	12	0	0	6.276.000	0	0	0	6.276.000	0	6.276.000
40	450432	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	4504	BT	523.000	8	0	0	4.184.000	0	0	0	4.184.000	0	4.184.000
41	450443	Hoàng Thái	Hà	4504	BT	523.000	20	0	0	10.460.000	0	0	0	10.460.000	7.910.000	2.550.000
42	450445	Vàng Thị	Xuân	4504	BT	523.000	8	0	0	4.184.000	0	0	0	4.184.000	0	4.184.000
43	450446	Ma Văn	Khiên	4504	GHP70	523.000	10	0	0	5.230.000	0	0	2.536.232	2.693.768	0	2.693.768
44	450447	Vũ Thị Thủy	An	4504	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	3.661.000	5.230.000
45	450508	Trần Thị Thu	Hằng	4505	BT	523.000	9	0	0	4.707.000	0	0	0	4.707.000	0	4.707.000
46	450511	Nguyễn Hải	Nam	4505	BT	523.000	13	0	0	6.799.000	0	0	0	6.799.000	0	6.799.000
47	450515	Nguyễn Thị	Tuyết	4505	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	4.184.000	5.230.000
48	450518	Nguyễn Văn	Tiến	4505	BT	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	0	13.598.000	8.368.000	5.230.000
49	450522	Trần Văn	Hậu	4505	BT	523.000	20	0	0	10.460.000	0	0	0	10.460.000	0	10.460.000
50	450525	Đinh Ngọc Quỳnh	Anh	4505	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	0	10.983.000
51	450528	Nguyễn Đức	Thắng	4505	BT	523.000	8	0	0	4.184.000	0	0	0	4.184.000	0	4.184.000
52	450529	Nguyễn Văn	Hà	4505	BT	523.000	19	0	0	9.937.000	0	0	0	9.937.000	8.891.000	1.046.000
53	450536	Lê Thị Bích	Ngọc	4505	BT	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	0	11.506.000	6.276.000	5.230.000
54	450544	Nguyễn Hoàng	Đạt	4505	MHP	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	5.434.783	2.410.217	0	2.410.217
55	450553	Phạm Việt	Dũng	4505	BT	523.000	9	0	0	4.707.000	0	0	0	4.707.000	0	4.707.000
56	450555	Triệu Bảo Hoàng	Anh	4505	BT	523.000	8	0	0	4.184.000	0	0	0	4.184.000	0	4.184.000
57	450606	Trần Tuấn	Anh	4506	BT	523.000	10	0	0	5.230.000	0	0	0	5.230.000	0	5.230.000
58	450609	Cư Thị	Gương	4506	MHP	523.000	10	0	0	5.230.000	0	0	3.623.188	1.606.812	0	1.606.812
59	450613	Quách Văn	Pháp	4506	BT	523.000	14	0	0	7.322.000	0	0	0	7.322.000	0	7.322.000
60	450614	Bùi Thị	ánh	4506	BT	523.000	10	0	0	5.230.000	0	0	0	5.230.000	0	5.230.000
61	450615	Nguyễn Xuân	Hiệp	4506	BT	523.000	14	0	0	7.322.000	0	0	0	7.322.000	0	7.322.000
62	450636	Phạm Thị Mai	Quyên	4506	BT	523.000	15	2	0	7.845.000	1.046.000	0	0	8.891.000	0	8.891.000
63	450653	Lý Hồng	Thanh	4506	MHP	523.000	16	0	0	8.368.000	0	0	5.797.101	2.570.899	0	2.570.899
64	450654	Nguyễn Thị Minh	Thị	4506	BT	523.000	27	0	0	14.121.000	0	0	0	14.121.000	8.891.000	5.230.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức học phí/ tín chỉ	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tiền Miễn giảm = 1.250.000 x 40th/138tc x số TC học đi x tỷ lệ MGHP	Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn nợ
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện				
65	450701	Phạm Cao	Son	4507	BT	523.000	16	0	0	8.368.000	0	0	0	8.368.000	0	8.368.000
66	450711	Dương Thị Thu	Hương	4507	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	3.661.000	5.230.000
67	450715	Nguyễn Huyền	My	4507	BT	523.000	16	0	0	8.368.000	0	0	0	8.368.000	3.138.000	5.230.000
68	450716	Bùi Thúy	Hiền	4507	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	3.661.000	5.230.000
69	450719	Mai Thu	Thương	4507	BT	523.000	12	0	0	6.276.000	0	0	0	6.276.000	1.046.000	5.230.000
70	450720	Trần Thị	Lệ	4507	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	5.753.000	5.230.000
71	450722	Trần Thị	Hằng	4507	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	3.661.000	5.230.000
72	450724	Nguyễn Đức	Trung	4507	BT	523.000	2	0	0	1.046.000	0	0	0	1.046.000	0	1.046.000
73	450734	Đoàn Huyền	My	4507	BT	523.000	20	0	0	10.460.000	0	0	0	10.460.000	6.799.000	3.661.000
74	450738	Phạm Tuấn	Nam	4507	BT	523.000	20	0	0	10.460.000	0	0	0	10.460.000	5.230.000	5.230.000
75	450739	Nguyễn Minh	Thảo	4507	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	2.615.000	5.230.000
76	450753	Bá Thị Bảo	Trâm	4507	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	2.615.000	5.230.000
77	450756	Nguyễn Anh	Tuấn	4507	BT	523.000	8	0	0	4.184.000	0	0	0	4.184.000	0	4.184.000
78	450801	Ngô Minh	Tuấn	4508	GHP50	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	2.717.391	5.127.609	0	5.127.609
79	450802	Nguyễn Hà	Phương	4508	BT	523.000	12	0	0	6.276.000	0	0	0	6.276.000	0	6.276.000
80	450803	Hoàng Như	ý	4508	BT	523.000	3	0	0	1.569.000	0	0	0	1.569.000	0	1.569.000
81	450807	Trần Minh	Anh	4508	BT	523.000	12	0	0	6.276.000	0	0	0	6.276.000	0	6.276.000
82	450809	Trần Văn	Đại	4508	BT	523.000	4	0	0	2.092.000	0	0	0	2.092.000	0	2.092.000
83	450810	Đinh Thị	Hằng	4508	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000
84	450811	Bùi Thanh	Thảo	4508	BT	523.000	20	0	0	10.460.000	0	0	0	10.460.000	0	10.460.000
85	450814	Nguyễn Phương	Thảo	4508	MHP	523.000	19	0	0	9.937.000	0	0	6.884.058	3.052.942	0	3.052.942
86	450817	Nguyễn Danh	Nam	4508	BT	523.000	9	0	0	4.707.000	0	0	0	4.707.000	0	4.707.000
87	450819	Nguyễn Thu	Phương	4508	BT	523.000	16	0	0	8.368.000	0	0	0	8.368.000	3.138.000	5.230.000
88	450820	Nguyễn Thị	Nguyệt	4508	MHP	523.000	5	0	0	2.615.000	0	0	1.811.594	803.406	0	803.406
89	450824	Lê Thị	Nga	4508	BT	523.000	11	0	0	5.753.000	0	0	0	5.753.000	0	5.753.000
90	450827	Nguyễn Quang	Huy	4508	BT	523.000	8	0	0	4.184.000	0	0	0	4.184.000	0	4.184.000
91	450833	Bùi Thị Mai	Hương	4508	BT	523.000	12	4	0	6.276.000	2.092.000	0	0	8.368.000	0	8.368.000
92	450835	Đào Thị Trang	Anh	4508	MHP	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	6.521.739	2.892.261	0	2.892.261
93	450849	Nông Nguyễn Nam	Phương	4508	BT	523.000	20	0	0	10.460.000	0	0	0	10.460.000	5.230.000	5.230.000
94	450852	Phạm Nguyễn Phươn	Khanh	4508	BT	523.000	8	0	0	4.184.000	0	0	0	4.184.000	0	4.184.000
95	450901	Nguyễn Tùng	Dương	4509	BT	523.000	12	9	0	6.276.000	4.707.000	0	0	10.983.000	6.276.000	4.707.000
96	450922	Nguyễn Ngọc	Tuyền	4509	BT	523.000	13	0	0	6.799.000	0	0	0	6.799.000	0	6.799.000
97	450931	Hạ Linh	Chi	4509	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	4.184.000	5.230.000
98	450934	Tô Ngọc	Diệp	4509	BT	523.000	16	0	0	8.368.000	0	0	0	8.368.000	3.138.000	5.230.000
99	450936	Phạm Thị Mai	Hương	4509	BT	523.000	16	0	0	8.368.000	0	0	0	8.368.000	3.138.000	5.230.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức học phí/ tín chỉ	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tiền Miễn giảm = 1.250.000 x 40th/138tc x số TC học đi x tỷ lệ MGHP	Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn nợ
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện				
100	450937	Trần Linh	Chi	4509	BT	523.000	14	0	0	7.322.000	0	0	0	7.322.000	2.092.000	5.230.000
101	450940	Hà Thu	Lan	4509	BT	523.000	12	0	0	6.276.000	0	0	0	6.276.000	0	6.276.000
102	450943	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	4509	BT	523.000	8	0	0	4.184.000	0	0	0	4.184.000	0	4.184.000
103	450946	Nguyễn Hải	Anh	4509	BT	523.000	14	0	0	7.322.000	0	0	0	7.322.000	0	7.322.000
104	450951	Trịnh Nam	Anh	4509	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	4.184.000	5.230.000
105	450952	Bàn Long	Vương	4509	BT	523.000	12	0	0	6.276.000	0	0	0	6.276.000	0	6.276.000
106	450954	Đinh Thị Thảo	Vân	4509	BT	523.000	14	0	0	7.322.000	0	0	0	7.322.000	2.092.000	5.230.000
107	450955	Lê Hoàng Cẩm	Tú	4509	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	6.800.000	5.229.000
108	450956	Vàng Thị	Pinh	4509	MHP	523.000	13	0	0	6.799.000	0	0	4.710.145	2.088.855	0	2.088.855
109	451003	Đồng Thị	Hoài	4510	BT	523.000	12	0	0	6.276.000	0	0	0	6.276.000	0	6.276.000
110	451006	Hoàng Thị	Hoa	4510	MHP	523.000	7	0	0	3.661.000	0	0	2.536.232	1.124.768	0	1.124.768
111	451007	Nguyễn Thị Minh	Huyền	4510	BT	523.000	14	4	0	7.322.000	2.092.000	0	0	9.414.000	0	9.414.000
112	451012	Vì Thị	Chuẩn	4510	MHP	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	5.434.783	2.410.217	0	2.410.217
113	451013	Nguyễn Hoàng	An	4510	BT	523.000	10	4	0	5.230.000	2.092.000	0	0	7.322.000	0	7.322.000
114	451018	Nguyễn Phương	Ngọc	4510	BT	523.000	14	0	0	7.322.000	0	0	0	7.322.000	0	7.322.000
115	451024	Nguyễn Quỳnh	Trang	4510	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.845.000	4.707.000
116	451025	Bùi Trần Thu	Hải	4510	BT	523.000	19	0	0	9.937.000	0	0	0	9.937.000	0	9.937.000
117	451028	Vũ Thu Thủy	Diệp	4510	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
118	451032	Nguyễn Trần	Anh	4510	BT	523.000	14	0	0	7.322.000	0	0	0	7.322.000	0	7.322.000
119	451035	Phùng Lâm	Anh	4510	BT	523.000	12	0	0	6.276.000	0	0	0	6.276.000	0	6.276.000
120	451036	Nguyễn Văn	Cẩm	4510	BT	523.000	19	0	0	9.937.000	0	0	0	9.937.000	0	9.937.000
121	451039	Đỗ Tất	Trường	4510	BT	523.000	9	7	0	4.707.000	3.661.000	0	0	8.368.000	0	8.368.000
122	451047	Bùi Bá	Thuyết	4510	BT	523.000	6	4	0	3.138.000	2.092.000	0	0	5.230.000	0	5.230.000
123	451049	Châu Kim	Nhung	4510	BT	523.000	8	0	0	4.184.000	0	0	0	4.184.000	0	4.184.000
124	451054	Nguyễn Phi	Trường	4510	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	0	7.845.000
125	451055	Cao Phan Huyền	Linh	4510	BT	523.000	10	4	0	5.230.000	2.092.000	0	0	7.322.000	0	7.322.000
126	451056	Hạ A	Vừ	4510	BT	523.000	8	0	0	4.184.000	0	0	0	4.184.000	0	4.184.000
127	451230	Nguyễn Thị	Hồng	4510	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	6.799.000	5.230.000
128	451103	Đinh Quốc	Vương	4511	BT	523.000	9	0	0	4.707.000	0	0	0	4.707.000	0	4.707.000
129	451105	Nguyễn Đức	Dương	4511	BT	523.000	10	0	0	5.230.000	0	0	0	5.230.000	0	5.230.000
130	451106	Đinh Thị Thanh	Huyền	4511	BT	523.000	16	0	0	8.368.000	0	0	0	8.368.000	3.138.000	5.230.000
131	451115	Phạm Thành	Long	4511	BT	523.000	14	0	0	7.322.000	0	0	0	7.322.000	2.092.000	5.230.000
132	451117	Ngọc Thị	Huyền	4511	BT	523.000	13	0	0	6.799.000	0	0	0	6.799.000	1.569.000	5.230.000
133	451121	Bùi Ngọc	Tuấn	4511	BT	523.000	14	0	0	7.322.000	0	0	0	7.322.000	2.092.000	5.230.000
134	451125	Đỗ Thị Thu	Hải	4511	BT	523.000	12	0	0	6.276.000	0	0	0	6.276.000	1.046.000	5.230.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức học phí/ tín chỉ	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tiền Miễn giảm = 1.250.000 x 40th/138tc x số TC học đi x tỷ lệ MGHP	Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn nợ
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện				
135	451129	Nguyễn Linh	Trang	4511	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	3.661.000	5.230.000
136	451130	Nguyễn Phương	Thào	4511	BT	523.000	12	0	0	6.276.000	0	0	0	6.276.000	1.046.000	5.230.000
137	451132	Quách Hùng	Son	4511	BT	523.000	14	0	0	7.322.000	0	0	0	7.322.000	2.092.000	5.230.000
138	451133	Ngô Thị Thúy	Hằng	4511	GHP50	523.000	12	0	0	6.276.000	0	0	2.173.913	4.102.087	523.000	3.579.087
139	451134	Tần Linh	Thư	4511	BT	523.000	12	0	0	6.276.000	0	0	0	6.276.000	0	6.276.000
140	451136	Đỗ Hà	My	4511	BT	523.000	16	0	0	8.368.000	0	0	0	8.368.000	0	8.368.000
141	451138	Phạm Lan	Anh	4511	BT	523.000	12	0	0	6.276.000	0	0	0	6.276.000	1.046.000	5.230.000
142	451143	Hoàng Minh	Huyền	4511	BT	523.000	8	0	0	4.184.000	0	0	0	4.184.000	0	4.184.000
143	451147	Hà Đức	Huy	4511	GHP70	523.000	9	0	0	4.707.000	0	0	2.282.609	2.424.391	1.500.000	924.391
144	451148	Lương Hữu	Kiên	4511	BT	523.000	13	0	0	6.799.000	0	0	0	6.799.000	0	6.799.000
145	451149	Trần Huy	Vũ	4511	BT	523.000	11	0	0	5.753.000	0	0	0	5.753.000	2.240.000	3.513.000
146	451150	Lường Thị	Thêm	4511	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	2.615.000	5.230.000
147	451156	Đinh Thị	Huyền	4511	BT	523.000	8	0	0	4.184.000	0	0	0	4.184.000	0	4.184.000
148	451157	Hà Huy	Tuấn	4511	GHP70	523.000	16	0	0	8.368.000	0	0	4.057.971	4.310.029	0	4.310.029
149	451158	Giăng A	Hồ	4511	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000
150	451201	Trần Minh	Tin	4512	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	2.615.000	5.230.000
151	451205	Dương Thị	Ngát	4512	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	2.615.000	5.230.000
152	451208	Quách Thu	Trang	4512	BT	523.000	19	0	0	9.937.000	0	0	0	9.937.000	4.707.000	5.230.000
153	451216	Nguyễn Thị Lan	Hương	4512	BT	523.000	12	0	0	6.276.000	0	0	0	6.276.000	3.286.000	2.990.000
154	451218	Vũ Thị Kim	Chi	4512	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	0	10.983.000
155	451226	Nguyễn Trung	Hiếu	4512	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000
156	451229	Vũ Thu	Thào	4512	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	2.615.000	5.230.000
157	451239	Nguyễn Thị	Loan	4512	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	6.584.000	2.830.000
158	451241	Nguyễn Phương	Thào	4512	BT	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	0	13.598.000	8.368.000	5.230.000
159	451247	Nguyễn Thị Phương	Thào	4512	BT	523.000	14	0	0	7.322.000	0	0	0	7.322.000	0	7.322.000
160	451249	Trần Trung	Hiếu	4512	BT	523.000	16	0	0	8.368.000	0	0	0	8.368.000	0	8.368.000
161	451252	Nguyễn Linh	Chi	4512	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.330.000	5.222.000
162	451254	Đỗ Thu	Uyên	4512	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	2.615.000	5.230.000
163	451256	Nguyễn Trọng	Tứ	4512	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	5.753.000	5.230.000
164	451309	Mã Hồng	Nhị	4513	MHP	523.000	13	0	0	6.799.000	0	0	4.710.145	2.088.855	0	2.088.855
165	451313	Vũ Minh	Huyền	4513	BT	523.000	16	0	0	8.368.000	0	0	0	8.368.000	3.138.000	5.230.000
166	451318	Lý Mỹ	Lệ	4513	MHP	523.000	12	0	0	6.276.000	0	0	4.347.826	1.928.174	0	1.928.174
167	451322	Đinh Thị Thu	Hằng	4513	BT	523.000	10	0	0	5.230.000	0	0	0	5.230.000	0	5.230.000
168	451325	Vì Thị	Xuân	4513	MHP	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	5.434.783	2.410.217	0	2.410.217
169	451331	Nguyễn Vũ Phương	Hằng	4513	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức học phí/ tín chỉ	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tiền Miễn giảm = 1.250.000 x 40th/138tc x số TC học đi x tỷ lệ MGHP	Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn nợ
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện				
170	451333	Ngô Phương	Loan	4513	BT	523.000	14	0	0	7.322.000	0	0	0	7.322.000	0	7.322.000
171	451340	Huỳnh Thu	Trang	4513	BT	523.000	11	0	0	5.753.000	0	0	0	5.753.000	0	5.753.000
172	451343	Vũ Thùy	Dương	4513	BT	523.000	20	0	0	10.460.000	0	0	0	10.460.000	5.230.000	5.230.000
173	451351	Vì Tuấn	Anh	4513	MHP	523.000	16	4	0	8.368.000	2.092.000	0	5.797.101	4.662.899	0	4.662.899
174	451401	Đào Thúy	Xuân	4514	GHP70	523.000	9	0	0	4.707.000	0	0	2.282.609	2.424.391	0	2.424.391
175	451402	Phạm Bảo	Chi	4514	GHP50	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	3.804.348	7.178.652	3.541.000	3.637.652
176	451404	Đào Xuân	Mạnh	4514	BT	523.000	20	0	0	10.460.000	0	0	0	10.460.000	5.230.000	5.230.000
177	451405	Phạm Thị Hồng	Hạnh	4514	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	5.753.000	5.230.000
178	451406	Hà Hữu	Thắng	4514	BT	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	0	11.506.000	6.276.000	5.230.000
179	451410	Vũ Đình Trường	Giang	4514	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
180	451412	Nguyễn Tiến	Đức	4514	BT	523.000	20	0	0	10.460.000	0	0	0	10.460.000	0	10.460.000
181	451417	Tạ Ngọc	Anh	4514	BT	523.000	14	0	0	7.322.000	0	0	0	7.322.000	0	7.322.000
182	451421	Đỗ Thị Thu	Trà	4514	BT	523.000	16	4	0	8.368.000	2.092.000	0	0	10.460.000	0	10.460.000
183	451422	Lê Thế	Bằng	4514	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	4.184.000	5.230.000
184	451423	Hoàng Phương	Hoa	4514	BT	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	0	11.506.000	6.276.000	5.230.000
185	451428	Hoàng Thùy	Trang	4514	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
186	451429	Đinh Thị Huyền	Trang	4514	BT	523.000	19	0	0	9.937.000	0	0	0	9.937.000	4.707.000	5.230.000
187	451432	Nguyễn Minh	Hằng	4514	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	4.184.000	5.230.000
188	451436	Nguyễn Thủy	Tiên	4514	BT	523.000	12	0	0	6.276.000	0	0	0	6.276.000	1.046.000	5.230.000
189	451441	Phan Thị Hương	Giang	4514	BT	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	0	11.506.000	0	11.506.000
190	451447	Trịnh Diễm	Ngọc	4514	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	3.661.000	5.230.000
191	451450	Hà Văn	Hạnh	4514	BT	523.000	16	2	0	8.368.000	1.046.000	0	0	9.414.000	0	9.414.000
192	451452	Hoàng Thị Nhật	Thảo	4514	BT	523.000	8	0	0	4.184.000	0	0	0	4.184.000	0	4.184.000
193	451454	Nguyễn Vũ	Hiền	4514	BT	523.000	14	0	0	7.322.000	0	0	0	7.322.000	0	7.322.000
194	451502	Hoàng Ngọc	Ly	4515	GHP70	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	4.311.594	4.579.406	2.667.300	1.912.106
195	451503	Đậu Đình	Huy	4515	BT	523.000	8	0	0	4.184.000	0	0	0	4.184.000	0	4.184.000
196	451508	Nguyễn Lê Minh	Đức	4515	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	5.230.000	4.184.000
197	451509	Nguyễn Khánh	Linh	4515	BT	523.000	12	0	0	6.276.000	0	0	0	6.276.000	0	6.276.000
198	451514	Nguyễn Quang	Minh	4515	BT	523.000	12	0	0	6.276.000	0	0	0	6.276.000	0	6.276.000
199	451515	Lý Chín	Dũng	4515	MHP	523.000	9	0	0	4.707.000	0	0	3.260.870	1.446.130	0	1.446.130
200	451523	Phùng Thị Trà	My	4515	BT	523.000	13	0	0	6.799.000	0	0	0	6.799.000	0	6.799.000
201	451534	Lê Thị Thu	Thảo	4515	BT	523.000	8	0	0	4.184.000	0	0	0	4.184.000	0	4.184.000
202	451538	Nguyễn Phương	Anh	4515	BT	523.000	13	0	0	6.799.000	0	0	0	6.799.000	1.569.000	5.230.000
203	451540	Đào Ngọc	Hiếu	4515	BT	523.000	8	0	0	4.184.000	0	0	0	4.184.000	0	4.184.000
204	451545	Nguyễn Thị Mai	Phương	4515	MHP	523.000	10	0	0	5.230.000	0	0	3.623.188	1.606.812	0	1.606.812

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức học phí/ tín chỉ	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tiền Miễn giảm = 1.250.000 x 40th/138tc x số TC học đi x tỷ lệ MGHP	Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn nợ
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện				
205	451548	Chu Hương	Giang	4515	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	5.753.000	5.230.000
206	451549	Lê Thị Minh	Hồng	4515	BT	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	0	11.506.000	6.276.000	5.230.000
207	451550	Lê Văn	Trường	4515	BT	523.000	14	3	0	7.322.000	1.569.000	0	0	8.891.000	7.320.000	1.571.000
208	451553	Nguyễn Duy	Thế	4515	BT	523.000	20	0	0	10.460.000	0	0	0	10.460.000	5.230.000	5.230.000
209	451554	Bạc Việt	Anh	4515	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	0	7.845.000
210	451602	Phan Thị Huyền	Trang	4516	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	4.184.000	5.230.000
211	451607	Đỗ Đức	Thái	4516	BT	523.000	16	0	0	8.368.000	0	0	0	8.368.000	3.180.000	5.188.000
212	451609	Nguyễn Đình	Tùng	4516	BT	523.000	5	4	0	2.615.000	2.092.000	0	0	4.707.000	0	4.707.000
213	451610	Tạ Thị Bích	Ngọc	4516	BT	523.000	16	0	0	8.368.000	0	0	0	8.368.000	3.138.000	5.230.000
214	451612	Trần Minh	Đặng	4516	BT	523.000	8	4	0	4.184.000	2.092.000	0	0	6.276.000	0	6.276.000
215	451613	Nguyễn Thái	Dương	4516	BT	523.000	13	0	0	6.799.000	0	0	0	6.799.000	1.569.000	5.230.000
216	451614	Nguyễn Thanh	Lam	4516	BT	523.000	12	0	0	6.276.000	0	0	0	6.276.000	1.046.000	5.230.000
217	451615	Nguyễn Văn	Tiến	4516	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	3.661.000	5.230.000
218	451620	Hoàng Thị	Giang	4516	BT	523.000	7	0	0	3.661.000	0	0	0	3.661.000	0	3.661.000
219	451622	Trần Đức	Xuân	4516	GHP70	523.000	8	0	0	4.184.000	0	0	2.028.986	2.155.014	0	2.155.014
220	451624	Đặng Thị Vân	Anh	4516	MHP	523.000	14	0	0	7.322.000	0	0	5.072.464	2.249.536	0	2.249.536
221	451633	Đỗ Ngọc	Anh	4516	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	4.184.000	5.230.000
222	451634	Đỗ Kim	Ngân	4516	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	3.661.000	5.230.000
223	451635	Lê Hồng	Hương	4516	BT	523.000	20	0	0	10.460.000	0	0	0	10.460.000	0	10.460.000
224	451637	Đặng Thị	Cúc	4516	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	5.753.000	5.230.000
225	451644	Hoàng Thị Mỹ	Duyên	4516	GHP70	523.000	11	0	0	5.753.000	0	0	2.789.855	2.963.145	1.726.000	1.237.145
226	451649	Hà Tiểu	Mẫn	4516	BT	523.000	13	0	0	6.799.000	0	0	0	6.799.000	0	6.799.000
227	451650	Nguyễn Văn	Hiền	4516	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	4.184.000	5.230.000
228	451654	Hoàng Cao	Thiên	4516	BT	523.000	16	4	0	8.368.000	2.092.000	0	0	10.460.000	0	10.460.000
229	451655	Cao Tiến	Dũng	4516	BT	523.000	15	4	0	7.845.000	2.092.000	0	0	9.937.000	0	9.937.000
230	451705	Bùi Thị Mỹ	Uyên	4517	BT	523.000	16	0	0	8.368.000	0	0	0	8.368.000	0	8.368.000
231	451707	Nguyễn Hà	Trang	4517	BT	523.000	8	0	0	4.184.000	0	0	0	4.184.000	0	4.184.000
232	451710	Nguyễn Sơn	Tùng	4517	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000
233	451714	Nguyễn Chí	Bảo	4517	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	4.184.000	5.230.000
234	451719	Nguyễn Thọ	Trọng	4517	BT	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	0	11.506.000	6.276.000	5.230.000
235	451720	Nguyễn Thị Phương	Thảo	4517	BT	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	0	11.506.000	0	11.506.000
236	451727	Nguyễn Long	Vũ	4517	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	4.184.000	5.230.000
237	451731	Đoàn Thị Thu	Hường	4517	BT	523.000	8	0	0	4.184.000	0	0	0	4.184.000	0	4.184.000
238	451734	Phạm Thanh	Hiền	4517	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	5.753.000	5.230.000
239	451740	Trần Quang	Tùng	4517	BT	523.000	9	2	0	4.707.000	1.046.000	0	0	5.753.000	0	5.753.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức học phí/ tín chỉ	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tiền Miễn giảm = 1.250.000 x 40th/138tc x số TC học đi x tỷ lệ MGHP	Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn nợ
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện				
240	451741	Nguyễn Thị Phương	Thảo	4517	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	4.184.000	5.230.000
241	451748	Hoàng Như	Quỳnh	4517	BT	523.000	8	0	0	4.184.000	0	0	0	4.184.000	0	4.184.000
242	451749	Nguyễn Thị Phương	Linh	4517	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	4.184.000	5.230.000
243	451750	Nguyễn Đặng Thái	Sơn	4517	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
244	451752	Đào Hồng	Nhung	4517	BT	523.000	14	4	0	7.322.000	2.092.000	0	0	9.414.000	0	9.414.000
245	451753	Nguyễn Phi	Trưởng	4517	BT	523.000	12	0	0	6.276.000	0	0	0	6.276.000	0	6.276.000
246	451754	Trần Thị Châu	Loan	4517	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	4.184.000	5.230.000
247	451755	Trần Mỹ	Linh	4517	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000
248	451804	Chu Thị Mai	Anh	4518	BT	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	0	13.598.000	8.368.000	5.230.000
249	451809	Lê Trung	Hiếu	4518	BT	523.000	16	0	0	8.368.000	0	0	0	8.368.000	3.138.000	5.230.000
250	451810	Vũ Thị Kim	Chi	4518	BT	523.000	13	0	0	6.799.000	0	0	0	6.799.000	0	6.799.000
251	451813	Nguyễn Gia	Khánh	4518	BT	523.000	6	0	0	3.138.000	0	0	0	3.138.000	0	3.138.000
252	451820	Đinh Thu	Trà	4518	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	3.661.000	5.230.000
253	451821	Khuất Hiền	Thư	4518	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	3.661.000	5.230.000
254	451822	Nguyễn Hương	Giang	4518	BT	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	0	13.598.000	8.368.000	5.230.000
255	451823	Hoàng Anh	Tú	4518	BT	523.000	14	0	0	7.322.000	0	0	0	7.322.000	0	7.322.000
256	451824	Trần Văn	Cường	4518	BT	523.000	13	0	0	6.799.000	0	0	0	6.799.000	0	6.799.000
257	451830	Đào Hưng	Hoàn	4518	BT	523.000	8	0	0	4.184.000	0	0	0	4.184.000	0	4.184.000
258	451832	Nguyễn Thị Thu	Hà	4518	BT	523.000	20	0	0	10.460.000	0	0	0	10.460.000	7.100.000	3.360.000
259	451835	Đỗ Thị	Hiển	4518	BT	523.000	16	0	0	8.368.000	0	0	0	8.368.000	0	8.368.000
260	451836	Vương Phan Hà	Vy	4518	BT	523.000	16	0	0	8.368.000	0	0	0	8.368.000	3.138.000	5.230.000
261	451837	Đặng Trần Tâm	Quý	4518	MHP	523.000	10	0	0	5.230.000	0	0	3.623.188	1.606.812	0	1.606.812
262	451840	Nguyễn Thị Thu	Hiển	4518	BT	523.000	12	0	4	6.276.000	0	2.092.000	0	8.368.000	3.138.000	5.230.000
263	451842	Nguyễn Thị	Thảo	4518	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	3.661.000	5.230.000
264	451843	Lê Tất	Bình	4518	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	0	7.845.000
265	451844	Hoàng Ngọc	ánh	4518	GHP70	523.000	12	0	0	6.276.000	0	0	3.043.478	3.232.522	1.882.800	1.349.722
266	451850	Nguyễn Ngọc Linh	Hương	4518	BT	523.000	16	0	0	8.368.000	0	0	0	8.368.000	3.138.000	5.230.000
267	451853	Nguyễn Huy	Nam	4518	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	2.615.000	5.230.000
268	451854	Vũ Thị	Hương	4518	BT	523.000	11	0	0	5.753.000	0	0	0	5.753.000	0	5.753.000
269	451901	Vũ Phương	Thảo	4519	BT	523.000	8	0	0	4.184.000	0	0	0	4.184.000	0	4.184.000
270	451913	Nguyễn Thái	Vũ	4519	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000
271	451921	La Thị Thanh	Xuân	4519	BT	523.000	10	0	0	5.230.000	0	0	0	5.230.000	0	5.230.000
272	451923	Kiều Thị	Hà	4519	BT	523.000	12	0	0	6.276.000	0	0	0	6.276.000	0	6.276.000
273	451926	Nguyễn Thị Thùy	Anh	4519	BT	523.000	12	0	0	6.276.000	0	0	0	6.276.000	0	6.276.000
274	451928	Hà Hải	Nhi	4519	BT	523.000	20	0	0	10.460.000	0	0	0	10.460.000	5.230.000	5.230.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức học phí/ tín chỉ	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tiền Miễn giảm = 1.250.000 x 40th/138tc x số TC học đi x tỷ lệ MGHP	Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn nợ
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện				
275	451929	Vũ Việt	Nhã	4519	BT	523.000	9	0	0	4.707.000	0	0	0	4.707.000	0	4.707.000
276	451936	Nguyễn Quốc	Toàn	4519	BT	523.000	17	3	0	8.891.000	1.569.000	0	0	10.460.000	0	10.460.000
277	451937	Ngô Thị Hồng	Nhung	4519	BT	523.000	20	0	4	10.460.000	0	2.092.000	0	12.552.000	0	12.552.000
278	451942	Phạm Thành	Minh	4519	BT	523.000	16	0	0	8.368.000	0	0	0	8.368.000	3.138.000	5.230.000
279	451944	Đậu Duy	Anh	4519	BT	523.000	10	0	4	5.230.000	0	2.092.000	0	7.322.000	0	7.322.000
280	451945	Lê Hải	Châu	4519	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	4.184.000	5.230.000
281	451946	Đình Khánh	Linh	4519	BT	523.000	20	0	0	10.460.000	0	0	0	10.460.000	0	10.460.000
282	451953	Triệu Anh	Tuấn	4519	BT	523.000	8	0	0	4.184.000	0	0	0	4.184.000	0	4.184.000
283	452002	Mã Trung	Thế	4520	MHP	523.000	10	0	0	5.230.000	0	0	3.623.188	1.606.812	0	1.606.812
284	452005	Hoàng Nhật	Dương	4520	BT	523.000	10	0	0	5.230.000	0	0	0	5.230.000	0	5.230.000
285	452008	Hà Thị	Mai	4520	MHP	523.000	10	0	0	5.230.000	0	0	3.623.188	1.606.812	0	1.606.812
286	452012	Dương Thị Minh	Chinh	4520	BT	523.000	14	0	0	7.322.000	0	0	0	7.322.000	0	7.322.000
287	452014	Phạm Phương	Anh	4520	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	0	7.845.000
288	452015	Vũ Ngọc	Minh	4520	BT	523.000	16	0	0	8.368.000	0	0	0	8.368.000	6.799.000	1.569.000
289	452018	Dương Thị	Phương	4520	BT	523.000	7	0	0	3.661.000	0	0	0	3.661.000	0	3.661.000
290	452020	Đình Anh	Vũ	4520	MHP	523.000	14	0	0	7.322.000	0	0	5.072.464	2.249.536	0	2.249.536
291	452021	Nguyễn Thế	Dũng	4520	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000
292	452022	Mùa A	Sênh	4520	BT	523.000	8	0	0	4.184.000	0	0	0	4.184.000	0	4.184.000
293	452027	Nguyễn Thị Ngọc	Bảo	4520	BT	523.000	14	0	0	7.322.000	0	0	0	7.322.000	2.092.000	5.230.000
294	452028	Nguyễn Hoàng Phươ	Anh	4520	BT	523.000	8	0	0	4.184.000	0	0	0	4.184.000	0	4.184.000
295	452032	Nguyễn Lê	Khanh	4520	BT	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	0	11.506.000	6.276.000	5.230.000
296	452034	Ngô Hải	Yến	4520	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	5.753.000	5.230.000
297	452036	Đào Đăng	Duy	4520	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000
298	452041	Phạm Thị Xuân	Huyền	4520	MHP	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	7.971.014	3.534.986	0	3.534.986
299	452045	Hà Ngọc	Hoài	4520	GHP70	523.000	9	0	0	4.707.000	0	0	2.282.609	2.424.391	1.413.000	1.011.391
300	452048	Nguyễn Anh	Vũ	4520	BT	523.000	12	0	0	6.276.000	0	0	0	6.276.000	3.286.000	2.990.000
301	452051	Tiêu Thị Thu	Hương	4520	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000
302	452110	Phạm Thu	Ngân	4521	BT	523.000	6	4	0	3.138.000	2.092.000	0	0	5.230.000	0	5.230.000
303	452113	Nguyễn Anh	Tú	4521	BT	523.000	16	0	0	8.368.000	0	0	0	8.368.000	3.138.000	5.230.000
304	452115	Lý Thị	Hà	4521	MHP	523.000	13	0	0	6.799.000	0	0	4.710.145	2.088.855	0	2.088.855
305	452116	Hà Trung	Anh	4521	BT	523.000	19	4	0	9.937.000	2.092.000	0	0	12.029.000	0	12.029.000
306	452125	Nguyễn Tiến	Mạnh	4521	GHP70	523.000	10	0	0	5.230.000	0	0	2.536.232	2.693.768	1.569.000	1.124.768
307	452129	Phạm Thị Lan	Anh	4521	BT	523.000	11	2	0	5.753.000	1.046.000	0	0	6.799.000	0	6.799.000
308	452135	Nguyễn Ngọc	Bích	4521	BT	523.000	13	0	0	6.799.000	0	0	0	6.799.000	1.569.000	5.230.000
309	452140	Phạm Trường	Lâm	4521	BT	523.000	16	0	0	8.368.000	0	0	0	8.368.000	0	8.368.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức học phí/ tín chỉ	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tiền Miễn giảm = 1.250.000 x 40th/138tc x số TC học đi x tỷ lệ MGHP	Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn nợ
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện				
310	452141	Nguyễn Hồ Khánh	Linh	4521	BT	523.000	16	0	3	8.368.000	0	1.569.000	0	9.937.000	3.138.000	6.799.000
311	452145	Hoàng Thị	Yên	4521	MHP	523.000	5	0	0	2.615.000	0	0	1.811.594	803.406	0	803.406
312	452146	Hoàng Hải	Long	4521	BT	523.000	10	0	0	5.230.000	0	0	0	5.230.000	0	5.230.000
313	452149	Đoàn Việt	Hà	4521	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	5.753.000	5.230.000
314	452151	Vũ Thị	Ngọc	4521	MHP	523.000	13	0	0	6.799.000	0	0	4.710.145	2.088.855	0	2.088.855
315	452152	Nguyễn Sỹ	Tới	4521	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	4.184.000	5.230.000
316	452154	Đình Duy	Hiệp	4521	BT	523.000	10	0	0	5.230.000	0	0	0	5.230.000	0	5.230.000
317	452155	Lưu Bảo	Ngọc	4521	BT	523.000	5	0	0	2.615.000	0	0	0	2.615.000	0	2.615.000
318	452201	Lý Thái	Son	4522	BT	523.000	14	0	0	7.322.000	0	0	0	7.322.000	0	7.322.000
319	452215	Nguyễn Tuấn	Kiệt	4522	BT	523.000	10	0	0	5.230.000	0	0	0	5.230.000	0	5.230.000
320	452220	Bùi Danh	Chính	4522	BT	523.000	19	0	0	9.937.000	0	0	0	9.937.000	0	9.937.000
321	452221	Nguyễn Huyền	Linh	4522	BT	523.000	8	0	0	4.184.000	0	0	0	4.184.000	0	4.184.000
322	452222	La Thị	Duyên	4522	GHP70	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	4.311.594	4.579.406	2.667.300	1.912.106
323	452223	Vũ Ngọc	Hải	4522	BT	523.000	16	0	0	8.368.000	0	0	0	8.368.000	0	8.368.000
324	452225	Trần Đăng	Tuấn	4522	BT	523.000	20	0	0	10.460.000	0	0	0	10.460.000	0	10.460.000
325	452235	Nguyễn Trần Minh	Quân	4522	BT	523.000	8	0	0	4.184.000	0	0	0	4.184.000	0	4.184.000
326	452244	Phạm Thị	Thiều	4522	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	4.760.000	4.131.000
327	452245	Hoàng Thị Mỹ	Hạnh	4522	GHP70	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	3.804.348	4.040.652	2.354.000	1.686.652
328	452248	Nguyễn Cẩm	Tú	4522	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
329	452251	Nông Đức	Tú	4522	GHP70	523.000	13	4	0	6.799.000	2.092.000	0	3.297.101	5.593.899	0	5.593.899
330	452254	Phạm Cẩm	Tú	4522	BT	523.000	16	0	0	8.368.000	0	0	0	8.368.000	3.138.000	5.230.000
331	452301	Bùi Bích	Phương	4523	BT	523.000	16	0	0	8.368.000	0	0	0	8.368.000	0	8.368.000
332	452303	Trần Hải	Anh	4523	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
333	452304	Nguyễn Phương	Mai	4523	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
334	452305	Đặng Thị	Dung	4523	MHP	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	8.695.652	3.856.348	0	3.856.348
335	452309	Hoàng Duy	Tùng	4523	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
336	452311	Nguyễn Thị	Tuyết	4523	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
337	452312	Trịnh Khánh	Linh	4523	BT	523.000	16	0	0	8.368.000	0	0	0	8.368.000	3.138.000	5.230.000
338	452313	Nguyễn Thị Anh	Thơ	4523	BT	523.000	16	0	0	8.368.000	0	0	0	8.368.000	3.138.000	5.230.000
339	452314	Đỗ Thị Hải	Anh	4523	BT	523.000	16	0	0	8.368.000	0	0	0	8.368.000	3.138.000	5.230.000
340	452315	Đào Văn	Hùng	4523	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	0	12.552.000
341	452316	Nguyễn Ngọc Minh	Trang	4523	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
342	452318	Đỗ Thị	Duyên	4523	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
343	452321	Triệu Thị Huyền	Trinh	4523	GHP70	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	6.086.957	6.465.043	3.379.600	3.085.443
344	452322	Quản Văn	Tuấn	4523	GHP50	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	4.347.826	8.204.174	6.276.000	1.928.174

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức học phí/ tín chỉ	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tiền Miễn giảm = 1.250.000 x 40th/138tc x số TC học đi x tỷ lệ MGHP	Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn nợ
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện				
345	452323	Ngô Minh	Ngọc	4523	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	4.184.000	5.230.000
346	452324	Đặng Thị Hồng	Vân	4523	BT	523.000	16	0	0	8.368.000	0	0	0	8.368.000	3.138.000	5.230.000
347	452325	Đoàn Thị Bích	Thuận	4523	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
348	452326	Nguyễn Hoàng Hải	Yến	4523	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
349	452327	Đỗ Thanh	Tú	4523	BT	523.000	16	0	0	8.368.000	0	0	0	8.368.000	3.138.000	5.230.000
350	452328	Đoàn Quang	Anh	4523	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
351	452329	Lô Thị Lan	Hương	4523	GHP70	523.000	16	0	0	8.368.000	0	0	4.057.971	4.310.029	941.400	3.368.629
352	452330	Tô Thị	Ngân	4523	BT	523.000	28	0	0	14.644.000	0	0	0	14.644.000	9.414.000	5.230.000
353	452331	Đoàn Thái	Dương	4523	BT	523.000	14	0	0	7.322.000	0	0	0	7.322.000	0	7.322.000
354	452332	Bùi Bá	Việt	4523	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
355	452333	Ngô Thanh	Hằng	4523	BT	523.000	16	0	0	8.368.000	0	0	0	8.368.000	3.138.000	5.230.000
356	452335	Mai Đức	Quang	4523	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
357	452336	Nguyễn Thu	Trà	4523	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
358	452337	Tòng Thị	Hương	4523	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
359	452338	Hà Trường	Giang	4523	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
360	452343	Lê Tuấn	An	4523	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
361	452344	Đào Trí	Dũng	4523	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	0	12.552.000
362	452345	Nguyễn Thị Thuý	Huyền	4523	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
363	452347	Nguyễn Khánh	Linh	4523	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	0	12.552.000
364	452349	Tạ Thị Tuyết	Nhung	4523	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
365	452351	Nguyễn Thu Hiền	Thảo	4523	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
366	452352	Nguyễn Thị Thu	Phương	4523	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
367	452353	Nguyễn Thị Thu	Hường	4523	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	0	12.552.000
368	452354	Triệu Văn	Bằng	4523	MHP	523.000	14	0	0	7.322.000	0	0	5.072.464	2.249.536	0	2.249.536
369	452355	Bàn Tồn	Trệ	4523	MHP	523.000	14	0	0	7.322.000	0	0	5.072.464	2.249.536	0	2.249.536
370	452356	Nguyễn Thị Linh	Chi	4523	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	0	12.552.000
371	452359	Lê Nguyên	Quỳnh	4523	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
372	452360	Nguyễn Thế	Ngọc	4523	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
373	452363	Cao Phạm Phương	Linh	4523	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
374	452364	Bùi Thị Minh	Nhật	4523	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
375	452401	Chu Thị Minh	Thu	4524	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
376	452402	Trương Đức	Dương	4524	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
377	452403	Nguyễn Thị	Tâm	4524	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
378	452404	Bùi Đình	Hiếu	4524	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000
379	452405	Đỗ Lâm Mai	Linh	4524	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức học phí/ tín chỉ	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tiền Miễn giảm = 1.250.000 x 40th/138tc x số TC học đi x tỷ lệ MGHP	Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn nợ
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện				
380	452406	Đỗ Lưu	Ly	4524	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
381	452407	Nguyễn Như Đức	Anh	4524	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
382	452408	Phan Hữu	Tiến	4524	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	0	7.845.000
383	452409	Lô Thị	Trang	4524	MHP	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	9.057.971	4.017.029	0	4.017.029
384	452412	Sầm Thị	Hương	4524	GHP70	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	6.340.580	6.734.420	3.621.000	3.113.420
385	452413	Nguyễn Phan Thục	Chi	4524	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
386	452416	Đào Đức	Anh	4524	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
387	452417	Đỗ Hương	Trang	4524	BT	523.000	29	0	0	15.167.000	0	0	0	15.167.000	9.937.000	5.230.000
388	452420	Phùng Thị	ánh	4524	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
389	452421	Lương ánh	Giang	4524	MHP	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	9.057.971	4.017.029	0	4.017.029
390	452422	Phạm Thanh	Tú	4524	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
391	452424	Hoàng Thanh	Thúy	4524	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
392	452426	Trần Thảo	Hiền	4524	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
393	452427	Hoàng Phương	Nam	4524	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
394	452431	Đỗ Thu	Hà	4524	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	0	7.845.000
395	452432	Hoàng Việt	Anh	4524	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000
396	452436	Nguyễn Minh	Trang	4524	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
397	452437	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	4524	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	3.661.000	5.230.000
398	452438	Trần Thị Kiều	Oanh	4524	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	0	7.845.000
399	452439	Giàng Thu	Huyền	4524	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	3.661.000	5.230.000
400	452441	Nguyễn Trà	Ly	4524	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	3.661.000	5.230.000
401	452443	Đinh Thị	Hương	4524	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	3.661.000	5.230.000
402	452444	Trần Thu	Hoài	4524	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	3.661.000	5.230.000
403	452445	Lý Mai	Anh	4524	MHP	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	9.057.971	4.017.029	0	4.017.029
404	452446	Đặng Thu	Hiền	4524	GHP70	523.000	19	0	0	9.937.000	0	0	4.818.841	5.118.159	2.981.100	2.137.059
405	452447	Thái Thị Cẩm	Chi	4524	BT	523.000	29	0	0	15.167.000	0	0	0	15.167.000	9.937.000	5.230.000
406	452448	Ngô Thùy	Trang	4524	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	3.661.000	5.230.000
407	452449	Vũ Thảo	Nguyễn	4524	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	3.661.000	5.230.000
408	452451	Hà Trịnh	Trung	4524	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	0	7.845.000
409	452454	Phạm Nguyễn Phươn	Thảo	4524	BT	523.000	29	0	0	15.167.000	0	0	0	15.167.000	9.937.000	5.230.000
410	452455	Lê Thị Hà	Trang	4524	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	3.661.000	5.230.000
411	452456	Lê Hiếu	Ngân	4524	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	3.661.000	5.230.000
412	452457	Kim Hồng	Hiếu	4524	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
413	452462	Trương Thị Thùy	Dương	4524	BT	523.000	29	0	0	15.167.000	0	0	0	15.167.000	0	15.167.000
414	452464	Hoàng	Giáp	4524	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức học phí/ tín chỉ	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tiền Miễn giảm = 1.250.000 x 40th/138tc x số TC học đi x tỷ lệ MGHP	Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn nợ
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện				
415	452465	Vũ Quang	Trung	4524	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000
416	452501	Nguyễn Thị Nhã	Phương	4525	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
417	452502	Nguyễn Thị Bích	Hằng	4525	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
418	452503	Nguyễn Hiền	Mai	4525	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
419	452504	Phạm Minh	Châu	4525	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
420	452505	Hoàng Hải	Yến	4525	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
421	452507	Hồ Ngọc	Linh	4525	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
422	452509	Nguyễn Minh	Phương	4525	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
423	452512	Nguyễn Thị Linh	Chi	4525	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
424	452513	Tổng Thị Khánh	Linh	4525	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
425	452514	Phan Thị Hương	Thảo	4525	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
426	452515	Trần Minh	Anh	4525	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
427	452516	Nguyễn Thúy	Hằng	4525	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
428	452518	Đoàn Thu	Hương	4525	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
429	452519	Đỗ Minh	Khánh	4525	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
430	452521	Đinh Phương	Trang	4525	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
431	452522	Nguyễn Thúy	Vân	4525	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
432	452526	Đinh Thị Hồng	Quyên	4525	GHP70	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	6.340.580	6.734.420	3.620.769	3.113.651
433	452530	Nguyễn Thị	Hà	4525	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
434	452531	Nguyễn Thị	Nụ	4525	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
435	452533	Nguyễn Thúy	Hà	4525	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
436	452535	Nguyễn Ngọc	Mai	4525	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
437	452536	Nguyễn Thị Hải	Ngân	4525	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	0	7.845.000
438	452537	Nguyễn Khánh	Ngọc	4525	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
439	452539	Ngô Phương	Linh	4525	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
440	452540	Bàn Lê Thu	Phương	4525	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
441	452541	Nguyễn Hồng	Ngọc	4525	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
442	452542	Bùi Thu	Hà	4525	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
443	452543	Nguyễn Thu	Hương	4525	BT	523.000	29	0	0	15.167.000	0	0	0	15.167.000	9.937.000	5.230.000
444	452544	Trương Đỗ Quỳnh	Trang	4525	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
445	452545	Phạm Đỗ Phương	Thảo	4525	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
446	452548	Đặng Thu	Huyền	4525	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
447	452550	Hoàng Linh	Hương	4525	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
448	452554	Nguyễn Lương	Thảo	4525	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
449	452555	Nguyễn Ngọc	ánh	4525	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức học phí/ tín chỉ	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tiền Miễn giảm = 1.250.000 x 40th/138tc x số TC học đi x tỷ lệ MGHP	Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn nợ
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện				
450	452557	Phạm Thị Thanh	Hiền	4525	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
451	452558	Nguyễn Xuân	Khôi	4525	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
452	452563	Phạm Thị Thanh	Mai	4525	BT	523.000	29	0	0	15.167.000	0	0	0	15.167.000	9.937.000	5.230.000
453	452566	Đào Thị Hương	Ly	4525	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	0	7.845.000
454	452601	Trương Thị Hương	Giang	4526	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	10.318.000	2.234.000
455	452602	Hà Thị	Huyền	4526	BT	523.000	28	0	0	14.644.000	0	0	0	14.644.000	9.414.000	5.230.000
456	452607	Vũ Diệu	Linh	4526	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
457	452608	Nguyễn Lê Khánh	Hương	4526	BT	523.000	32	0	0	16.736.000	0	0	0	16.736.000	11.506.000	5.230.000
458	452609	Trần Quốc	Việt	4526	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
459	452610	Trần Ngọc	Mai	4526	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
460	452611	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	4526	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
461	452613	Nguyễn Văn	Anh	4526	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
462	452614	Trần Ngọc	Hùng	4526	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	0	12.552.000
463	452616	Đỗ Bích	Thủy	4526	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
464	452617	Nguyễn Thị	Huệ	4526	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
465	452619	Lê Thị Mai	Anh	4526	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
466	452620	Đào Mai	Quỳnh	4526	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
467	452622	Nguyễn Thị Thu	Uyên	4526	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
468	452623	Nguyễn Trọng	Dũng	4526	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
469	452624	Lê Thanh	Thủy	4526	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
470	452625	Lê Thu	Trang	4526	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
471	452626	Đoàn Thị Như	Bình	4526	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
472	452628	Lưu Minh	Huệ	4526	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
473	452629	Nguyễn Huyền	Trang	4526	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
474	452630	Nguyễn Thị Bích	Trang	4526	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
475	452631	Nguyễn Thị Tố	Uyên	4526	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
476	452632	Trần Trà	My	4526	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
477	452634	Nguyễn Hồng	Dinh	4526	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
478	452635	Mai Thị Quỳnh	Trang	4526	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
479	452636	Phạm Hồng	Dương	4526	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	0	12.552.000
480	452639	Đoàn Minh	Hoàng	4526	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
481	452642	Đặng Thị	Yến	4526	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
482	452645	Đào Thị Anh	Thơ	4526	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	0	12.552.000
483	452651	Nguyễn Diệu Vân	Anh	4526	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	3.661.000	5.230.000
484	452653	Ngô Thu	Quỳnh	4526	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức học phí/ tín chỉ	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tiền Miễn giảm = 1.250.000 x 40th/138tc x số TC học đi x tỷ lệ MGHP	Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn nợ
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện				
485	452654	Nguyễn Thị Lan	Anh	4526	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
486	452656	Cao Huyền	Trang	4526	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
487	452658	Trần Thị Cẩm	Tú	4526	BT	523.000	16	0	0	8.368.000	0	0	0	8.368.000	3.138.000	5.230.000
488	452659	Nguyễn Lương Thái	Tân	4526	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
489	452660	Đỗ Kiều	Trinh	4526	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	0	12.552.000
490	452661	Đỗ Kim	Ngân	4526	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
491	452662	Nguyễn Ngọc	Mai	4526	GHP50	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	4.347.826	8.204.174	3.661.000	4.543.174
492	452665	Vũ Đào Hoàng	Linh	4526	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
493	452666	Trần Thị	Thùy	4526	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	7.322.000	5.230.000
494	452701	Nguyễn Nông Trung	Hiếu	4527	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
495	452702	Hoàng Thị	Oanh	4527	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
496	452703	Vũ Khả Hoàng	Thái	4527	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
497	452704	Bùi Phương	Thảo	4527	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	5.753.000	5.230.000
498	452705	Đình Hồng	Hạnh	4527	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
499	452706	Phạm Minh	Doan	4527	MHP	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	5.434.783	2.410.217	0	2.410.217
500	452709	Lâu Y	Vị	4527	GHP70	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	6.340.580	6.734.420	2.353.500	4.380.920
501	452710	Lô Ngọc	Hiếu	4527	MHP	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	5.434.783	2.410.217	0	2.410.217
502	452711	Nguyễn Việt	Trung	4527	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
503	452713	Hồ Minh	Ngọc	4527	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
504	452714	Lương Thế	Mạnh	4527	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
505	452715	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	4527	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
506	452716	Tổng Thị Mỹ	Hạnh	4527	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
507	452718	Nguyễn Ngọc	Anh	4527	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
508	452722	Lê Trang	Nhung	4527	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000
509	452726	Nguyễn Mỹ	Linh	4527	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
510	452727	Nguyễn Đức	Khôi	4527	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000
511	452735	Phạm Thị	Thống	4527	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
512	452736	Tòng Thị	Thắm	4527	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000
513	452739	Trần Thị Hà	My	4527	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	8.891.000	4.184.000
514	452741	Nguyễn Kinh	Hân	4527	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	0	7.845.000
515	452742	Trương Tuấn	Đạt	4527	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
516	452744	Nguyễn Thị Linh	Chi	4527	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
517	452745	Nguyễn Mai	Anh	4527	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
518	452747	Lê Thị Thu	Phuong	4527	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
519	452749	Nông Thu	Thùy	4527	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	0	7.845.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức học phí/ tín chỉ	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tiền Miễn giảm = 1.250.000 x 40th/138tc x số TC học đi x tỷ lệ MGHP	Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn nợ
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện				
520	452752	Lâm Thị	Thùy	4527	MHP	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	9.057.971	4.017.029	0	4.017.029
521	452753	Nguyễn Thị Huyền	Trang	4527	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
522	452754	Lê Ngọc Vân	Hà	4527	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
523	452757	Nguyễn Hữu	Hoàn	4527	BT	523.000	32	0	0	16.736.000	0	0	0	16.736.000	11.506.000	5.230.000
524	452759	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	4527	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
525	452761	Lê Thị	Nhung	4527	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
526	452762	Nguyễn Lê Mai	Thào	4527	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
527	452764	Đặng Diệu	Linh	4527	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	0	7.845.000
528	452765	Tổng Thị Phương	Thào	4527	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	3.661.000	5.230.000
529	452802	Nguyễn Đạt	Phát	4528	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
530	452803	Võ Việt	Anh	4528	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
531	452805	Ma Thị Lệ	Thào	4528	MHP	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	9.057.971	4.017.029	0	4.017.029
532	452806	Ma Thị Huyền	Trang	4528	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
533	452809	Lô Thị	Lâm	4528	GHP70	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	6.340.580	6.734.420	2.354.000	4.380.420
534	452811	Nguyễn Huyền	Trang	4528	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	3.661.000	5.230.000
535	452812	Nguyễn Xuân Hiền	Vinh	4528	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
536	452813	Nguyễn Hồng Quang	Minh	4528	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	3.661.000	5.230.000
537	452814	Hứa Tuấn	Nghĩa	4528	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	0	7.845.000
538	452815	Nông Thị	Trà	4528	MHP	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	9.057.971	4.017.029	0	4.017.029
539	452816	Nguyễn Hà	Thu	4528	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
540	452819	Lê Thị Kiều	Chinh	4528	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
541	452820	Bùi Thị Thùy	Tiên	4528	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
542	452821	Hoàng Nhật	Hà	4528	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
543	452822	La Thị Thùy	Dung	4528	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
544	452823	Lô Thị Phương	Thào	4528	GHP70	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	6.340.580	6.734.420	2.354.000	4.380.420
545	452825	Vũ Minh	Ngọc	4528	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
546	452826	Phùng Thu	Thào	4528	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000
547	452827	Cao Thị	Hào	4528	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
548	452828	Nguyễn Trung	Hiếu	4528	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	0	7.845.000
549	452829	Chu Yến	Nhi	4528	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
550	452830	Hoàng Phương	Thào	4528	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
551	452831	Lê Thu	Trang	4528	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	3.661.000	5.230.000
552	452832	Đình Quang	Tiến	4528	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	0	7.845.000
553	452833	Bùi Đình	Khiêm	4528	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
554	452834	Hoàng Thúy	Hằng	4528	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức học phí/ tín chỉ	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tiền Miễn giảm = 1.250.000 x 40th/138tc x số TC học đi x tỷ lệ MGHP	Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn nợ
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện				
555	452835	Nguyễn Văn	Trang	4528	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
556	452836	Cung Lê Minh	Vũ	4528	BT	523.000	29	0	0	15.167.000	0	0	0	15.167.000	9.937.000	5.230.000
557	452837	Đàm Thị	Duyên	4528	MHP	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	9.057.971	4.017.029	0	4.017.029
558	452838	Nguyễn Đức	Dũng	4528	BT	523.000	7	4	0	3.661.000	2.092.000	0	0	5.753.000	0	5.753.000
559	452839	Phạm Nhật	Linh	4528	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
560	452840	Nguyễn Ngọc	Trâm	4528	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
561	452841	Bùi Bích	Ngọc	4528	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
562	452842	Hoàng Thị Thúy	Quỳnh	4528	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
563	452843	Lê Thị Khánh	Chi	4528	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
564	452845	Lý Thu	Hà	4528	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
565	452846	Trần Khánh	Linh	4528	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	3.661.000	5.230.000
566	452847	Ma Thị	Huệ	4528	MHP	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	5.434.783	2.410.217	0	2.410.217
567	452851	Bùi Thị Thu	Cúc	4528	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
568	452853	Nguyễn Thùy	Dương	4528	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000
569	452854	Vũ Thu	Thảo	4528	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000
570	452856	Chu Thị	Ly	4528	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
571	452857	Phạm Thị	Sinh	4528	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	5.753.000	5.230.000
572	452858	Trần Mai	Hương	4528	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
573	452859	Vũ Phạm Hà	Vi	4528	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	0	7.845.000
574	452860	Nguyễn Thị Hoài	An	4528	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	0	7.845.000
575	452861	Lê Hoàng Thanh	Mai	4528	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
576	452862	Lê Vũ Phương	Trang	4528	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	0	7.845.000
577	452864	Nguyễn Hoàng Phươ	Linh	4528	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
578	452865	Lê Phương	Thảo	4528	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000
579	452901	Bùi Minh	Thảo	4529	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
580	452902	Trịnh Thành	Đạt	4529	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
581	452903	Nguyễn Hồng	Ngọc	4529	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
582	452906	Nguyễn Ngọc	Thu	4529	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
583	452908	Bùi Phương	Anh	4529	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000
584	452910	Nguyễn Thanh Thanh	Chúc	4529	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
585	452911	Nguyễn Thu	Trang	4529	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
586	452914	Hoàng Thị Kiều	Nhi	4529	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
587	452915	Nguyễn Hương	Thảo	4529	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
588	452916	Dương Thị Hồng	Nhung	4529	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
589	452917	Nguyễn Thị Ngọc	Phụng	4529	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức học phí/ tín chỉ	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tiền Miễn giảm = 1.250.000 x 40th/138tc x số TC học đi x tỷ lệ MGHP	Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn nợ
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện				
590	452918	Nguyễn Hồng	ánh	4529	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
591	452919	Nguyễn Thị Thu	Hiền	4529	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	0	7.845.000
592	452920	Trần Minh	Thùy	4529	BT	523.000	17	4	0	8.891.000	2.092.000	0	0	10.983.000	5.753.000	5.230.000
593	452925	Đỗ Thị Hà	Hương	4529	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
594	452927	Nguyễn Phương	Anh	4529	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
595	452929	Trần Thị Lan	Anh	4529	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000
596	452930	Trần Nguyễn Anh	Thùy	4529	BT	523.000	17	4	0	8.891.000	2.092.000	0	0	10.983.000	5.753.000	5.230.000
597	452931	Phạm Quang	Hưng	4529	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000
598	452932	Mai Vũ Thùy	Linh	4529	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
599	452933	Bùi Thị Minh	Phương	4529	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
600	452935	Trần Thái Bảo	Hân	4529	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
601	452936	Trương Hà Hoài	Anh	4529	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
602	452937	Nguyễn Thùy	Nhung	4529	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
603	452938	Nguyễn Thị Thu	Mỹ	4529	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
604	452939	Lê Trần Thảo	Ly	4529	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
605	452940	Nguyễn Thị Thu	Hà	4529	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
606	452941	Phan Bảo	Ngọc	4529	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
607	452942	Đào Thùy	Linh	4529	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
608	452945	Lê Diệu	Linh	4529	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
609	452946	Nguyễn Minh	Anh	4529	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
610	452947	Vũ Thảo	Linh	4529	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
611	452950	Phạm Thị	Hiền	4529	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
612	452952	Đường Văn	Chính	4529	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	0	7.845.000
613	452955	Nguyễn Mai	Anh	4529	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
614	452956	Nguyễn Thu Thảo	Vy	4529	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
615	452957	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	4529	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
616	452958	Dương Hoài Nam	Phương	4529	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
617	452959	Vũ Hải	Khánh	4529	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
618	453003	Trần Hoàng	Hải	4530	BT	523.000	17	4	0	8.891.000	2.092.000	0	0	10.983.000	5.753.000	5.230.000
619	453004	Trần Khánh	Huyền	4530	BT	523.000	7	4	0	3.661.000	2.092.000	0	0	5.753.000	0	5.753.000
620	453007	Phan Anh	Đức	4530	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
621	453009	Đỗ Minh	Nguyệt	4530	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
622	453010	Vũ Thị	Thu	4530	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	0	7.845.000
623	453012	Chu Ngọc	Hân	4530	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
624	453014	Nguyễn Hoàng	Hà	4530	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức học phí/ tín chỉ	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tiền Miễn giảm = 1.250.000 x 40th/138tc x số TC học đi x tỷ lệ MGHP	Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn nợ
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện				
625	453015	Nguyễn Thảo	Nguyên	4530	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
626	453017	Vũ Phạm Phương	Anh	4530	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
627	453018	Đình Bạt Bảo	Kiên	4530	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
628	453020	Nguyễn Việt	Linh	4530	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	10.245.000	2.830.000
629	453021	Vũ Minh	Tâm	4530	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
630	453022	Nguyễn Ngọc	Mai	4530	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
631	453028	Bùi Thị Mai	Khanh	4530	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
632	453030	Lưu Thị Thùy	Anh	4530	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
633	453031	Lê Minh	Thảo	4530	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
634	453032	Lê Phương	Vi	4530	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
635	453036	Trịnh Trí	Đức	4530	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000
636	453040	Lê Thị Vân	Anh	4530	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
637	453041	Phan Hà	Trang	4530	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
638	453042	Nguyễn Tiến	Dũng	4530	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000
639	453043	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	4530	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
640	453045	Đình Phương	Nhi	4530	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
641	453046	Nguyễn Phương	Thảo	4530	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
642	453048	Phạm Vũ Lan	Anh	4530	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000
643	453049	Dương Đức	Nguyên	4530	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
644	453050	Chữ Phương	Anh	4530	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
645	453051	Đỗ Hà	Chi	4530	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.854.000	5.221.000
646	453053	Nguyễn Minh	Ký	4530	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000
647	453055	Lương Mai	Linh	4530	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
648	453056	Phạm Phú	An	4530	BT	523.000	17	0	3	8.891.000	0	1.569.000	0	10.460.000	5.230.000	5.230.000
649	453057	Nguyễn Hồng	Minh	4530	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000
650	453058	Nguyễn Như	Quỳnh	4530	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
651	453132	Nguyễn Đức	Anh	4531	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	0	7.845.000
652	453150	Hà Vân	Anh	4531	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	0	7.845.000
653	453151	Ngô Ngọc	Dương	4531	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	0	7.845.000
654	453207	Vũ Ngọc	Đông	4532	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	0	7.845.000
655	453209	Nguyễn Thị	Thương	4532	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	0	7.845.000
656	453218	Nguyễn Thiên Hà	An	4532	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
657	453222	Nguyễn Phạm Hải	Ly	4532	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000
658	453224	Lương Huyền	Trang	4532	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	0	7.845.000
659	453225	Nguyễn Thùy	Dương	4532	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	0	7.845.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức học phí/ tín chỉ	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tiền Miễn giảm = 1.250.000 x 40th/138tc x số TC học đi x tỷ lệ MGHP	Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn nợ
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện				
660	453227	Phạm Bình	Minh	4532	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	0	7.845.000
661	453231	Trần Vũ Minh	Thư	4532	BT	523.000	27	0	0	14.121.000	0	0	0	14.121.000	8.891.000	5.230.000
662	453250	Nguyễn Lan	Nhi	4532	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	7.845.000	5.230.000
663	453256	Trần Huyền	Thương	4532	BT	523.000	15	0	0	7.845.000	0	0	0	7.845.000	0	7.845.000
664	450554	Trịnh Trung	Hiệp	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	0	10.983.000
665	453703	Nguyễn Duy	Anh	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	0	10.983.000
666	453705	Phạm Nguyễn Quỳnh	Anh	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	5.753.000	5.230.000
667	453708	Nguyễn Chí	Cường	4537	BT	523.000	31	0	0	16.213.000	0	0	0	16.213.000	5.753.000	10.460.000
668	453709	Y Hiệp	Du	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	0	10.983.000
669	453710	Đỗ Đức	Duy	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	0	10.983.000
670	4537100	Trần Thị Thúy	Hằng	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	5.753.000	5.230.000
671	4537102	Phan Thị Thúy	Hiền	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	5.753.000	5.230.000
672	4537104	Lê Xuân	Hoàng	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	5.753.000	5.230.000
673	4537105	Đặng Thị Thu	Huệ	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	5.753.000	5.230.000
674	4537109	Phạm Thị Anh	Mỹ	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	0	10.983.000
675	453711	Phạm Võ Kỳ	Duyên	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	0	10.983.000
676	4537111	Nguyễn Trọng	Nhật	4537	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000
677	4537112	Lê Nguyễn Nhật	Phong	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	0	10.983.000
678	4537115	Triệu Văn	Son	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	0	10.983.000
679	4537116	Y Sang	Sruk	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	0	10.983.000
680	4537117	Vũ Đức	Thái	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	0	10.983.000
681	4537118	Tạ Như	Thảo	4537	BT	805.000	27	0	0	21.735.000	0	0	0	21.735.000	13.685.000	8.050.000
682	453712	Phạm Thanh	Dương	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	0	10.983.000
683	4537125	Nguyễn Thị Phương	Trang	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	5.753.000	5.230.000
684	4537126	Vũ Thị Mỹ	Trang	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	0	10.983.000
685	4537127	Nguyễn Quang	Triều	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	5.753.000	5.230.000
686	4537128	Huỳnh Việt	Trình	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	0	10.983.000
687	4537131	Trần Thị	Loan	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	5.753.000	5.230.000
688	4537135	Nguyễn Thị Thu	Giang	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	5.753.000	5.230.000
689	4537136	Phạm Công	Tinh	4537	BT	523.000	31	0	0	16.213.000	0	0	0	16.213.000	5.753.000	10.460.000
690	453715	Trần Bảo	Giang	4537	BT	523.000	31	0	0	16.213.000	0	0	0	16.213.000	5.753.000	10.460.000
691	453717	Rơ Ô	Hào	4537	GHP70	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	5.326.087	5.656.913	0	5.656.913
692	453723	Đinh Thị	Hiệu	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	5.753.000	5.230.000
693	453724	Hà Huy	Hoàng	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	5.753.000	5.230.000
694	453728	Hán Thị Lan	Hương	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	0	10.983.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức học phí/ tín chỉ	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tiền Miễn giảm = 1.250.000 x 40th/138tc x số TC học đi x tỷ lệ MGHP	Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn nợ
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện				
695	453729	Nguyễn Thu	Hương	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	0	10.983.000
696	453731	Trần Đoàn Trung	Kiên	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	0	10.983.000
697	453732	Nguyễn Ngọc Thu	Lê	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	5.753.000	5.230.000
698	453735	Phùng Thị Dmal	Linh	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	0	10.983.000
699	453740	H M#o	MIô	4537	GHP70	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	5.326.087	5.656.913	0	5.656.913
700	453748	Lê Minh	Nhã	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	0	10.983.000
701	453749	Nguyễn Quang	Nhân	4537	BT	523.000	31	0	0	16.213.000	0	0	0	16.213.000	5.753.000	10.460.000
702	453753	Phạm Thành	Phúc	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	0	10.983.000
703	453754	Trần Hậu	Phúc	4537	MHP	523.000	16	0	0	8.368.000	0	0	5.797.101	2.570.899	0	2.570.899
704	453757	Nguyễn Trần Anh	Quốc	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	0	10.983.000
705	453759	Phạm Thị Diễm	Quỳnh	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	5.753.000	5.230.000
706	453761	Nguyễn Thị Phương	Thanh	4537	BT	523.000	2	0	0	1.046.000	0	0	0	1.046.000	0	1.046.000
707	453764	Bùi Thị	Thảo	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	5.753.000	5.230.000
708	453768	Bùi Thị Hoài	Thương	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	0	10.983.000
709	453773	Nguyễn Quốc	Trung	4537	BT	523.000	31	0	0	16.213.000	0	0	0	16.213.000	5.753.000	10.460.000
710	453774	Trần Danh	Tuấn	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	0	10.983.000
711	453775	Tạ Thanh	Tú	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	5.753.000	5.230.000
712	453784	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	5.753.000	5.230.000
713	453785	Vũ Thị Quỳnh	Anh	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	0	10.983.000
714	453786	Phạm Xuân	Bách	4537	BT	523.000	31	0	0	16.213.000	0	0	0	16.213.000	5.753.000	10.460.000
715	453788	Nguyễn Thành	Đạt	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	5.753.000	5.230.000
716	453790	Văn Tiến	Đạt	4537	GHP50	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	3.804.348	7.178.652	0	7.178.652
717	453791	Dương Văn	Dũng	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	0	10.983.000
718	453792	Nguyễn Thùy	Dương	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	5.753.000	5.230.000
719	453793	Trần ánh	Dương	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	5.753.000	5.230.000
720	453796	Đặng Quỳnh	Giao	4537	BT	523.000	31	0	0	16.213.000	0	0	0	16.213.000	5.753.000	10.460.000
721	453797	Nguyễn Ngọc	Hà	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	5.753.000	5.230.000
722	453799	Nguyễn Ngọc	Hải	4537	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	0	10.983.000
TỔNG CỘNG										7.178.467.000	70.082.000	14.644.000	360.326.087	6.902.866.913	2.629.253.969	4.273.612.944

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA K46 NỢ HỌC PHÍ
Học kỳ I năm học 2023-2024

(Kèm theo Thông báo số 199/TB-ĐHLHN ngày 25/01/2024 của Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức học phí/ tín chỉ	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tiền Miễn giảm = 1.250.000 x 40th/140tc x số TC học đi	Tổng tiền	Trừ số thừa kỳ trước	Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn nợ
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện						
1	460101	Bùi Linh	An	4601	BT	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	0	11.506.000	0	11.506.000	0	11.506.000
2	460114	Nguyễn Thị Kim	Cúc	4601	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	0	12.552.000	7.000.000	5.552.000
3	460115	Nguyễn Đăng	Duy	4601	BT	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	0	13.598.000	0	13.598.000	2.882.000	10.716.000
4	460116	Nguyễn Thị	Đào	4601	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	0	12.552.000	1.202.000	11.350.000
5	460136	Triệu Kim	Nam	4601	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
6	460144	Hoàng Ngọc	Thanh	4601	GHP70	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	5.750.000	6.279.000	0	6.279.000	0	6.279.000
7	460147	Lương Văn	Thư	4601	GHP70	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	5.250.000	5.733.000	0	5.733.000	0	5.733.000
8	460148	Đỗ Thị Huyền	Trang	4601	BT	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	0	13.598.000	0	13.598.000	0	13.598.000
9	460155	Đào Thanh	Huyền	4601	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
10	460156	Phùng Thị	Lệ	4601	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
11	460159	Trần ánh	Linh	4601	BT	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	0	11.506.000	0	11.506.000	0	11.506.000
12	460164	Nguyễn Trường	Thành	4601	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	0	10.983.000	0	10.983.000
13	460205	Đỗ Tất	Bắc	4602	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
14	460208	Nguyễn Thị Linh	Chi	4602	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
15	460226	Mào Văn	Kỳ	4602	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
16	460254	Vừ A	Thào	4602	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
17	460256	Trần Minh	Thu	4602	BT	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	0	11.506.000	0	11.506.000	0	11.506.000
18	460259	Lê Thị Huyền	Trang	4602	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
19	460308	Đặng Xuân	Cường	4603	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
20	460309	Đinh Thị	Duyên	4603	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
21	460311	Đặng Thị Thủy	Đạt	4603	BT	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	0	13.598.000	0	13.598.000	0	13.598.000
22	460312	Phạm Minh	Đức	4603	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	0	12.552.000	0	12.552.000
23	460314	Hoàng Ngân	Hà	4603	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
24	460315	Trần Thu	Hà	4603	BT	523.000	28	0	0	14.644.000	0	0	0	14.644.000	0	14.644.000	0	14.644.000
25	460317	Nguyễn Bảo	Hân	4603	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
26	460321	Vũ Huy	Hoàng	4603	BT	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	0	13.598.000	0	13.598.000	0	13.598.000
27	460323	Hà Thị Thanh	Huyền	4603	MHP	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	9.285.714	4.312.286	0	4.312.286	0	4.312.286
28	460328	Nguyễn Thị Thủy	Linh	4603	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
29	460337	Đoàn Thị Minh	Nguyệt	4603	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
30	460348	Nguyễn Thị Thu	Trang	4603	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức học phí/ tín chỉ	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tiền Miễn giảm = 1.250.000 x 40th/140tc x số TC học đi	Tổng tiền	Trừ số thừa kỳ trước	Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn nợ
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện						
31	460350	Nguyễn Tiến	Tùng	4603	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
32	460351	Lý Thị	Viên	4603	MHP	523.000	30	0	0	15.690.000	0	0	10.714.286	4.975.714	0	4.975.714	0	4.975.714
33	460354	Nguyễn Tuấn	Anh	4603	BT	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	0	13.598.000	0	13.598.000	0	13.598.000
34	460355	Ngô Quỳnh	Hoa	4603	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
35	460360	Nguyễn Hoàng	Linh	4603	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	0	12.552.000	0	12.552.000
36	460418	Đỗ Thị Thu	Hương	4604	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
37	460436	Đầu Thị	Tâm	4604	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	0	10.983.000	0	10.983.000
38	460447	Lê Văn	Tuấn	4604	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
39	460448	Nguyễn Hoàng	Tuấn	4604	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	0	12.552.000	0	12.552.000
40	460449	Chu Thanh	Tùng	4604	BT	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	0	11.506.000	0	11.506.000	0	11.506.000
41	460454	Lang Thị	Dương	4604	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
42	460459	Nguyễn Thị	Hạnh	4604	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	0	10.983.000	0	10.983.000
43	460461	Phạm Thị	Hòa	4604	MHP	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	8.571.429	3.980.571	0	3.980.571	0	3.980.571
44	460462	Bùi Văn	Huy	4604	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
45	460508	Phạm Ngọc	Diệp	4605	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	0	12.552.000	2.358.000	10.194.000
46	460516	Phạm Huy	Hiếu	4605	BT	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	0	13.598.000	0	13.598.000	12.000.000	1.598.000
47	460522	Lê Thị Thu	Huyền	4605	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	0	12.552.000	0	12.552.000
48	460526	Đặng Thùy	Linh	4605	MHP	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	8.928.571	4.146.429	0	4.146.429	0	4.146.429
49	460532	Hoàng Thị	Ngân	4605	MHP	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	8.928.571	4.146.429	0	4.146.429	0	4.146.429
50	460544	Kiều Hoài	Thương	4605	BT	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	0	10.983.000	0	10.983.000	0	10.983.000
51	460545	Đinh Thị Thùy	Trang	4605	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	0	12.552.000	0	12.552.000
52	460550	Lê Anh	Tú	4605	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
53	460551	Khuông Hữu	Tư	4605	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	0	13.075.000
54	460561	Hoàng Như	Quỳnh	4605	BT	523.000	19	2	0	9.937.000	1.046.000	0	0	10.983.000	0	10.983.000	0	10.983.000
55	460563	Vàng Thị	Xuân	4605	MHP	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	8.571.429	3.980.571	0	3.980.571	0	3.980.571
56	460601	Vũ Hà	An	4606	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	0	12.552.000	1.762.000	10.790.000
57	460608	Vy Thị	Diệu	4606	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	5.000.000	3.891.000
58	460618	Lô Thanh	Huyền	4606	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
59	460623	Lương Thị	Là	4606	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
60	460631	Nguyễn Anh	Minh	4606	BT	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	0	11.506.000	0	11.506.000	0	11.506.000
61	460635	Lê Thị	Nhân	4606	BT	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	0	11.506.000	0	11.506.000	0	11.506.000
62	460640	Đàm Hữu	Phước	4606	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
63	460652	Nguyễn Hoàng	Việt	4606	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
64	460653	Đinh Bùi Quỳnh	Anh	4606	MHP	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	8.928.571	4.146.429	0	4.146.429	0	4.146.429
65	460654	Lương Hoàng	Anh	4606	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	0	13.075.000
66	460656	Bùi Đức	Linh	4606	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức học phí/ tín chỉ	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tiền Miễn giảm = 1.250.000 x 40th/140tc x số TC học đi	Tổng tiền	Trừ số thừa kỳ trước	Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn nợ
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện						
67	460661	Trần Hà	Thắng	4606	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
68	460662	Lương Duy	Tùng	4606	MHP	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	8.214.286	3.814.714	0	3.814.714	0	3.814.714
69	460663	Hồ A	Vàng	4606	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
70	460701	Bàn Ngọc	Anh	4607	MHP	523.000	28	0	0	14.644.000	0	0	10.000.000	4.644.000	0	4.644.000	0	4.644.000
71	460707	Tạ Hà	Chi	4607	BT	523.000	24	2	0	12.552.000	1.046.000	0	0	13.598.000	0	13.598.000	0	13.598.000
72	460708	Nguyễn Thị	Doanh	4607	GHP70	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	5.500.000	6.006.000	0	6.006.000	3.452.000	2.554.000
73	460709	Nguyễn Thị Thu	Dung	4607	BT	523.000	19	0	0	9.937.000	0	0	0	9.937.000	0	9.937.000	0	9.937.000
74	460716	Sân Thị	Hành	4607	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
75	460718	Nguyễn Thị	Hiền	4607	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
76	460719	Nguyễn Khánh	Huyền	4607	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
77	460728	Nguyễn Thùy	Linh	4607	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
78	460735	Lùng Thị Tuyết	Ngân	4607	GHP70	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	5.250.000	5.733.000	0	5.733.000	3.294.900	2.438.100
79	460742	Lê Đức	Tài	4607	BT	523.000	17	9	0	8.891.000	4.707.000	0	0	13.598.000	0	13.598.000	0	13.598.000
80	460746	Lê Ngọc	Tiến	4607	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
81	460747	Hoàng Thị Huyền	Trang	4607	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
82	460753	Lô Nguyễn	Anh	4607	MHP	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	6.071.429	2.819.571	0	2.819.571	0	2.819.571
83	460755	Nông Thế	Duy	4607	MHP	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	8.571.429	3.980.571	0	3.980.571	0	3.980.571
84	460756	Nguyễn Hoàng	Hải	4607	GHP70	523.000	21	0	0	10.983.000	0	0	5.250.000	5.733.000	0	5.733.000	0	5.733.000
85	460757	Lang Thị	Hoàng	4607	MHP	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	9.285.714	4.312.286	0	4.312.286	0	4.312.286
86	460758	Hà Thị	Lệ	4607	MHP	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	9.285.714	4.312.286	0	4.312.286	0	4.312.286
87	460759	Bế Văn	Mật	4607	BT	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	0	11.506.000	0	11.506.000	0	11.506.000
88	460760	Sùng Thị	Sao	4607	MHP	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	9.285.714	4.312.286	0	4.312.286	0	4.312.286
89	460761	Trương Đức	Thuân	4607	GHP70	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	6.250.000	6.825.000	0	6.825.000	0	6.825.000
90	460762	Lục Văn	Trường	4607	MHP	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	6.071.429	2.819.571	0	2.819.571	0	2.819.571
91	460763	Lý Văn	Vỹ	4607	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
92	460819	Vũ Thu	Khánh	4608	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
93	460824	Hà Thị Mai	Loan	4608	MHP	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	7.857.143	3.648.857	0	3.648.857	0	3.648.857
94	460829	Trần Thị	Mai	4608	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
95	460836	Trịnh Văn	Nhật	4608	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
96	460840	Lô Văn	Quyển	4608	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
97	460841	Mạc Trần Ngọc	Quỳnh	4608	MHP	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	8.571.429	3.980.571	0	3.980.571	0	3.980.571
98	460847	Vũ Ngọc	Tiến	4608	BT	523.000	27	0	0	14.121.000	0	0	0	14.121.000	0	14.121.000	0	14.121.000
99	460854	Hoàng Thị Khánh	Huyền	4608	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
100	460857	Tềnh Thị	Ly	4608	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
101	460858	Trần Thị	Mến	4608	MHP	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	8.571.429	3.980.571	0	3.980.571	0	3.980.571
102	460859	Nguyễn Hữu	Nam	4608	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức học phí/ tín chỉ	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tiền Miễn giảm = 1.250.000 x 40th/140tc x số TC học đi	Tổng tiền	Trừ số thừa kỳ trước	Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn nợ
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện						
103	460862	Giảng A	Tỉnh	4608	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
104	460863	Châu Đình	Văn	4608	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
105	460906	Lê Thị Minh	Châu	4609	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
106	460918	Nguyễn Thị	Hương	4609	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	0	12.552.000	0	12.552.000
107	460926	Trần Thị	Mến	4609	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000	0	9.414.000
108	460936	Nguyễn Mai	Phương	4609	BT	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	0	11.506.000	0	11.506.000	0	11.506.000
109	460943	Lương Đức	Thắng	4609	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000	0	9.414.000
110	460952	Trần Mạnh	Ước	4609	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000	0	9.414.000
111	460953	Trần Việt	Anh	4609	MHP	523.000	27	0	0	14.121.000	0	0	9.642.857	4.478.143	0	4.478.143	0	4.478.143
112	460954	Đàm Quang	Dũng	4609	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000	0	9.414.000
113	460957	Lý Thị	Huệ	4609	MHP	523.000	29	0	0	15.167.000	0	0	10.357.143	4.809.857	0	4.809.857	0	4.809.857
114	460959	Giảng A	Mương	4609	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000	0	9.414.000
115	460961	Vàng A	Nu	4609	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000	0	9.414.000
116	461001	Bùi Ngọc	ánh	4610	MHP	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	8.571.429	3.980.571	0	3.980.571	0	3.980.571
117	461017	Phạm Quang	Hiền	4610	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000	0	9.414.000
118	461020	Cao Thị Khánh	Huyền	4610	BT	523.000	29	0	0	15.167.000	0	0	0	15.167.000	0	15.167.000	0	15.167.000
119	461049	Lê Thị Thu	Trang	4610	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	0	12.552.000	0	12.552.000
120	461062	Sùng A	Vinh	4610	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000	0	9.414.000
121	461063	Tô Đức	Võ	4610	MHP	523.000	27	0	0	14.121.000	0	0	9.642.857	4.478.143	0	4.478.143	0	4.478.143
122	461101	Dương Thị Hải	Anh	4611	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	0	12.552.000	0	12.552.000
123	461106	Trần Minh	Châu	4611	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000	0	9.414.000
124	461107	Xa Hà Huy	Chiến	4611	MHP	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	8.214.286	3.814.714	0	3.814.714	0	3.814.714
125	461125	Phùng Thị Ngọc	Linh	4611	BT	523.000	25	2	0	13.075.000	1.046.000	0	0	14.121.000	0	14.121.000	0	14.121.000
126	461134	Lương Thị Kim	Oanh	4611	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000	0	9.414.000
127	461141	Lù Thị	Thanh	4611	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000	0	9.414.000
128	461144	Vũ Thị	Thềm	4611	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000	0	9.414.000
129	461157	Hoàng Thị	Nguyên	4611	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000	0	9.414.000
130	461159	Hoàng Ngọc	Quốc	4611	GHP70	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	6.250.000	6.825.000	0	6.825.000	0	6.825.000
131	461161	Hoàng Hải	Thiên	4611	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	0	12.552.000	0	12.552.000
132	461225	Nguyễn Mai	Loan	4612	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000	0	9.414.000
133	461232	Nguyễn Thu	Ngân	4612	BT	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	0	13.598.000	0	13.598.000	0	13.598.000
134	461234	Nguyễn Yến	Nhi	4612	GHP50	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	4.642.857	8.955.143	0	8.955.143	6.276.000	2.679.143
135	461235	Ngân Thị Kim	Oanh	4612	GHP70	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	4.500.000	4.914.000	0	4.914.000	0	4.914.000
136	461245	Ngô Huyền	Trang	4612	BT	523.000	27	0	0	14.121.000	0	0	0	14.121.000	0	14.121.000	0	14.121.000
137	461246	Vi Thị Quỳnh	Trang	4612	MHP	523.000	27	0	0	14.121.000	0	0	9.642.857	4.478.143	0	4.478.143	0	4.478.143
138	461250	Lương Thị Thủy	Vân	4612	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000	0	9.414.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức học phí/ tín chỉ	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tiền Miễn giảm = 1.250.000 x 40th/140tc x số TC học đi	Tổng tiền	Trừ số thừa kỳ trước	Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn nợ
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện						
139	461312	Hoàng Minh	Đức	4613	BT	523.000	27	0	0	14.121.000	0	0	0	14.121.000	0	14.121.000	0	14.121.000
140	461314	Lương Vũ Ngân	Hà	4613	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	0	12.552.000	0	12.552.000
141	461317	Vì Thị	Hiền	4613	MHP	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	8.571.429	3.980.571	0	3.980.571	0	3.980.571
142	461333	Trần Xuân	Ngọc	4613	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	13.075.000	0
143	461343	Trần Thị	Thùy	4613	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000	0	9.414.000
144	461345	Đinh Thị Thu	Trang	4613	MHP	523.000	27	0	0	14.121.000	0	0	9.642.857	4.478.143	0	4.478.143	0	4.478.143
145	461350	Phạm Minh	Tuấn	4613	BT	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	0	13.598.000	0	13.598.000	0	13.598.000
146	461351	Nguyễn Khánh	Vân	4613	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	7.075.000	6.000.000
147	461353	Mai Hồng	Chuyên	4613	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	10.000.000	2.029.000
148	461354	Đặng Ngọc	Diệp	4613	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000	0	9.414.000
149	461356	Phạm Khánh Diệu	Nhi	4613	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000	0	9.414.000
150	461357	Lê Thị Hồng	Phúc	4613	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000	0	9.414.000
151	461358	Nguyễn Trần Như	Quỳnh	4613	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000	0	9.414.000
152	461359	La Thị	Tuyết	4613	BT	523.000	27	0	0	14.121.000	0	0	0	14.121.000	0	14.121.000	0	14.121.000
153	461360	Phạm Sơn	Tùng	4613	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000	0	9.414.000
154	461362	Nguyễn Minh	ánh	4613	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000	0	9.414.000
155	461401	Nguyễn Chung Bảo	An	4614	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000	0	9.414.000
156	461408	Đinh Thị Cẩm	Chi	4614	BT	523.000	28	0	0	14.644.000	0	0	0	14.644.000	0	14.644.000	0	14.644.000
157	461409	Đinh Thị Ngọc	Chương	4614	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000	0	9.414.000
158	461411	Trịnh Bá Hoàng	Dương	4614	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	0	13.075.000
159	461415	Nguyễn Thị Thu	Giang	4614	MHP	523.000	29	0	0	15.167.000	0	0	10.357.143	4.809.857	0	4.809.857	0	4.809.857
160	461418	Nguyễn Thị Thủy	Hằng	4614	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000	0	9.414.000
161	461423	Trần Thị Hồng	Huyền	4614	MHP	523.000	29	0	0	15.167.000	0	0	10.357.143	4.809.857	0	4.809.857	0	4.809.857
162	461432	Nguyễn Thế	Lục	4614	MHP	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	7.857.143	3.648.857	0	3.648.857	0	3.648.857
163	461434	Nguyễn Đức	Minh	4614	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
164	461439	Lê Thị Kim	Phượng	4614	MHP	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	8.571.429	3.980.571	0	3.980.571	0	3.980.571
165	461442	Vũ Minh	Tâm	4614	BT	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	0	11.506.000	0	11.506.000	0	11.506.000
166	461449	Trịnh Doãn	Tùng	4614	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	0	13.075.000
167	461453	Đặng Ngọc	Diệp	4614	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000	0	9.414.000
168	461455	Trần Nguyên	Minh	4614	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000	0	9.414.000
169	461456	Đinh Thị Hiếu	Ngân	4614	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000	0	9.414.000
170	461460	Lưu Minh	Thắng	4614	BT	523.000	27	0	0	14.121.000	0	0	0	14.121.000	0	14.121.000	0	14.121.000
171	461508	Lê Thị Hồng	Duyên	4615	BT	523.000	29	0	0	15.167.000	0	0	0	15.167.000	0	15.167.000	0	15.167.000
172	461510	Phạm Chí	Dũng	4615	BT	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	0	13.598.000	0	13.598.000	0	13.598.000
173	461529	Nguyễn Lê	Minh	4615	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000	0	9.414.000
174	461530	Lê Thanh	Nam	4615	BT	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	0	11.506.000	0	11.506.000	0	11.506.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức học phí/ tín chỉ	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tiền Miễn giảm = 1.250.000 x 40th/140tc x số TC học đi	Tổng tiền	Trừ số thừa kỳ trước	Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn nợ
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện						
175	461531	Lê Thiên Thanh	Nga	4615	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	0	13.075.000
176	461532	Nguyễn Trọng	Nghĩa	4615	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
177	461541	Lê Thanh	Thái	4615	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000	0	9.414.000
178	461545	Bùi Thùy	Trang	4615	MHP	523.000	29	0	0	15.167.000	0	0	10.357.143	4.809.857	0	4.809.857	0	4.809.857
179	461553	Nguyễn Châu	Anh	4615	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000	0	9.414.000
180	461554	Bùi Thọ	Duy	4615	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000	0	9.414.000
181	461556	Trần Vĩnh	Khang	4615	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000	0	9.414.000
182	461560	Bùi Hoàng	Minh	4615	GHP50	523.000	27	0	0	14.121.000	0	0	4.821.429	9.299.571	0	9.299.571	6.517.385	2.782.186
183	461562	Nguyễn Thế	Vũ	4615	BT	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	0	13.598.000	0	13.598.000	0	13.598.000
184	461604	Phạm Tùng	Anh	4616	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000	0	9.414.000
185	461611	Lê Hoàng Tâm	Đức	4616	BT	523.000	29	0	0	15.167.000	0	0	0	15.167.000	0	15.167.000	0	15.167.000
186	461625	Hoàng Gia	Kiệt	4616	GHP70	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	6.250.000	6.825.000	300	6.824.700	0	6.824.700
187	461643	Trịnh Hồng	Thái	4616	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000	0	9.414.000
188	461645	Nguyễn Thị Quỳnh	Thom	4616	BT	523.000	27	0	0	14.121.000	0	0	0	14.121.000	0	14.121.000	0	14.121.000
189	461649	Nguyễn Hoàng Sơn	Tùng	4616	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	0	13.075.000
190	461654	Nguyễn Thị	Hậu	4616	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000	0	9.414.000
191	461658	Triệu Ngọc	Thuyết	4616	MHP	523.000	29	0	0	15.167.000	0	0	10.357.143	4.809.857	0	4.809.857	0	4.809.857
192	461659	Sầm Thị	Thủy	4616	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000	0	9.414.000
193	461661	Đinh Đức	Tuấn	4616	BT	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	0	13.598.000	0	13.598.000	0	13.598.000
194	461662	Nguyễn Hoàng	Việt	4616	BT	523.000	18	0	0	9.414.000	0	0	0	9.414.000	0	9.414.000	0	9.414.000
195	461702	Thái Ngọc	An	4617	BT	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	0	13.598.000	0	13.598.000	0	13.598.000
196	461706	Nguyễn Lê Thục	Anh	4617	MHP	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	9.285.714	4.312.286	0	4.312.286	0	4.312.286
197	461711	Vũ Thúc	Bảo	4617	BT	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	0	13.598.000	0	13.598.000	0	13.598.000
198	461713	La Thị	Danh	4617	MHP	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	9.285.714	4.312.286	0	4.312.286	0	4.312.286
199	461714	Mạc Văn	Dũng	4617	MHP	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	9.285.714	4.312.286	0	4.312.286	0	4.312.286
200	461716	Lê Đình	Đạt	4617	MHP	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	9.285.714	4.312.286	0	4.312.286	0	4.312.286
201	461725	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	4617	BT	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	0	13.598.000	0	13.598.000	0	13.598.000
202	461738	Phạm Thu	Ngân	4617	MHP	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	9.285.714	4.312.286	0	4.312.286	0	4.312.286
203	461741	Bùi Ngọc	Phúc	4617	BT	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	0	13.598.000	0	13.598.000	0	13.598.000
204	461742	Nguyễn Thu	Phương	4617	BT	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	0	13.598.000	0	13.598.000	0	13.598.000
205	461743	Lương Thị Hồng	Quế	4617	MHP	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	9.285.714	4.312.286	0	4.312.286	0	4.312.286
206	461755	Bùi Văn	Tuấn	4617	MHP	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	9.285.714	4.312.286	0	4.312.286	0	4.312.286
207	461810	Lò Tiến	Dũng	4618	BT	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	0	13.598.000	0	13.598.000	0	13.598.000
208	461812	Nguyễn Thị Thủy	Dương	4618	BT	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	0	13.598.000	0	13.598.000	0	13.598.000
209	461813	Nguyễn ánh	Dương	4618	BT	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	0	13.598.000	0	13.598.000	0	13.598.000
210	461816	Dương Nguyệt	Hà	4618	BT	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	0	13.598.000	0	13.598.000	0	13.598.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức học phí/ tín chi	Loại đăng ký tín chi			Thành tiền			Tiền Miễn giảm = 1.250.000 x 40th/140tc x số TC học đi	Tổng tiền	Trừ số thừa kỳ trước	Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn nợ
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện						
211	461818	Nông Thị Thu	Hằng	4618	GHP70	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	6.500.000	7.098.000	0	7.098.000	4.079.400	3.018.600
212	461819	Trương Thị Thu	Hiền	4618	MHP	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	9.285.714	4.312.286	0	4.312.286	0	4.312.286
213	461828	Hoàng Diệu	Linh	4618	MHP	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	9.285.714	4.312.286	0	4.312.286	0	4.312.286
214	461833	La Khánh	Ngà	4618	BT	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	0	13.598.000	0	13.598.000	0	13.598.000
215	461840	Bùi Lan	Phương	4618	BT	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	0	13.598.000	0	13.598.000	0	13.598.000
216	461858	Lục Thảo	Vy	4618	GHP70	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	6.500.000	7.098.000	0	7.098.000	4.079.400	3.018.600
217	461859	Nguyễn Kiều	Chinh	4618	BT	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	0	13.598.000	0	13.598.000	0	13.598.000
218	461901	Chu Thị Phương	Anh	4619	MHP	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	9.285.714	4.312.286	0	4.312.286	0	4.312.286
219	461913	Vũ Thị Linh	Đan	4619	MHP	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	9.285.714	4.312.286	0	4.312.286	0	4.312.286
220	461920	Lý Thị	Hạnh	4619	MHP	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	9.285.714	4.312.286	0	4.312.286	0	4.312.286
221	461928	Trần Thu	Huyền	4619	MHP	523.000	26	4	0	13.598.000	2.092.000	0	9.285.714	6.404.286	0	6.404.286	2.092.000	4.312.286
222	461945	Quang Văn	Thế	4619	MHP	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	9.285.714	4.312.286	0	4.312.286	0	4.312.286
223	461953	Bùi Thị	Trình	4619	MHP	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	9.285.714	4.312.286	0	4.312.286	0	4.312.286
224	461957	Nguyễn Đỗ Tường	Vy	4619	MHP	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	9.285.714	4.312.286	0	4.312.286	0	4.312.286
225	461960	Cầm Lê Ngọc	Huyền	4619	BT	523.000	26	0	0	13.598.000	0	0	0	13.598.000	0	13.598.000	0	13.598.000
226	462004	Lù Thị Lan	Anh	4620	BT	523.000	29	0	0	15.167.000	0	0	0	15.167.000	0	15.167.000	8.000.000	7.167.000
227	462009	Hoàng Thị	Chung	4620	GHP70	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	6.250.000	6.825.000	0	6.825.000	0	6.825.000
228	462012	Nguyễn Nguyên	Hà	4620	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	0	13.075.000
229	462014	Lý Thị	Hạnh	4620	MHP	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	8.928.571	4.146.429	0	4.146.429	0	4.146.429
230	462016	Nguyễn Thị	Hiếu	4620	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	0	13.075.000
231	462018	Mùi Thị Mỹ	Hòa	4620	GHP70	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	6.250.000	6.825.000	0	6.825.000	0	6.825.000
232	462022	Trương Ngọc	Huyền	4620	MHP	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	8.928.571	4.146.429	0	4.146.429	0	4.146.429
233	462034	Lê Thị	Ngân	4620	MHP	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	8.928.571	4.146.429	0	4.146.429	0	4.146.429
234	462039	Nguyễn Hồng	Phượng	4620	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	0	13.075.000
235	462041	Nguyễn Như	Quỳnh	4620	MHP	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	8.928.571	4.146.429	0	4.146.429	0	4.146.429
236	462048	Bùi Thị Hoài	Thương	4620	GHP70	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	6.250.000	6.825.000	0	6.825.000	0	6.825.000
237	462049	Trần Thị Thủy	Tiên	4620	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	0	13.075.000
238	462058	Phạm Hải	Yến	4620	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	0	13.075.000
239	462061	Nguyễn Như	Quỳnh	4620	GHP70	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	6.250.000	6.825.000	0	6.825.000	0	6.825.000
240	462104	Phùng Thị Ngọc	Anh	4621	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	2.980.000	10.095.000	0	10.095.000
241	462105	Sa Vũ Quỳnh	Anh	4621	GHP70	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	6.250.000	6.825.000	0	6.825.000	0	6.825.000
242	462111	Giáp Mạnh Quang	Đức	4621	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	0	13.075.000
243	462118	Phan Vĩnh	Hòa	4621	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	0	13.075.000
244	462122	Nguyễn Thị Vân	Khanh	4621	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	0	13.075.000
245	462125	Dương Thị Thanh	Lan	4621	MHP	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	8.928.571	4.146.429	0	4.146.429	0	4.146.429
246	462133	Nguyễn Thị	Minh	4621	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	0	13.075.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức học phí/ tín chỉ	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tiền Miễn giảm = 1.250.000 x 40th/140tc x số TC học đi	Tổng tiền	Trừ số thừa kỳ trước	Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn nợ
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện						
247	462148	Triệu Thị	Thùy	4621	GHP70	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	6.250.000	6.825.000	0	6.825.000	1.596.000	5.229.000
248	462160	Quảng Thu	Huyền	4621	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	0	13.075.000
249	462231	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	4622	BT	523.000	29	0	0	15.167.000	0	0	0	15.167.000	0	15.167.000	0	15.167.000
250	462240	Vũ Thị	Thoa	4622	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	10.460.000	2.615.000
251	462244	Trần Thị Hoài	Thương	4622	MHP	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	8.928.571	4.146.429	0	4.146.429	0	4.146.429
252	462246	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	4622	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	0	13.075.000
253	462250	Nguyễn Quốc	Trung	4622	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	0	13.075.000
254	462257	Lê Thị	Vĩnh	4622	MHP	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	8.928.571	4.146.429	0	4.146.429	0	4.146.429
255	462260	Phạm Xuân	Thịnh	4622	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	0	13.075.000
256	462261	Nguyễn Đức	Thọ	4622	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	0	13.075.000
257	462301	Hồ Trinh Phụng	An	4623	MHP	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	8.928.571	4.146.429	0	4.146.429	0	4.146.429
258	462307	Quân Đức	Anh	4623	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	0	13.075.000
259	462314	Trần Chí	Cường	4623	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	0	13.075.000
260	462316	Nguyễn Thị	Duyên	4623	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	0	13.075.000
261	462332	Thang Yến	Linh	4623	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	2.533.000	10.542.000	0	10.542.000
262	462402	Đỗ Ngọc Nam	Anh	4624	GHP50	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	4.464.286	8.610.714	1.266.500	7.344.214	4.768.115	2.576.099
263	462403	Lê Trung	Anh	4624	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	0	13.075.000
264	462406	Nguyễn Quỳnh	Anh	4624	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	0	13.075.000
265	462410	Trình Trang	Anh	4624	MHP	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	8.928.571	4.146.429	0	4.146.429	0	4.146.429
266	462412	Phạm Quỳnh	Chi	4624	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	0	13.075.000
267	462414	Nguyễn An	Dung	4624	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	0	13.075.000
268	462416	Lê Phương	Giang	4624	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	0	13.075.000
269	462420	Nguyễn Thu	Hiền	4624	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	0	13.075.000
270	462425	Vũ Minh	Huyền	4624	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	0	13.075.000
271	462426	Bùi Mạnh	Hùng	4624	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	0	13.075.000
272	462445	Mai Thị Minh	Phượng	4624	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	0	13.075.000
273	462446	Trần Thị Trúc	Quỳnh	4624	MHP	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	8.928.571	4.146.429	0	4.146.429	0	4.146.429
274	462448	Nguyễn Phương	Thào	4624	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	0	13.075.000
275	462452	Vũ Thị Hà	Trang	4624	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	0	13.075.000
276	462453	Nguyễn Danh	Tuấn	4624	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	0	13.075.000
277	462458	Nguyễn Minh	ánh	4624	BT	523.000	25	0	0	13.075.000	0	0	0	13.075.000	0	13.075.000	0	13.075.000
278	462506	Phạm Thị Phương	Anh	4625	BT	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	0	11.506.000	0	11.506.000	0	11.506.000
279	462508	Nguyễn Đỗ Thanh	Bình	4625	BT	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	0	11.506.000	0	11.506.000	0	11.506.000
280	462510	Đặng Trần Kim	Chi	4625	BT	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	0	11.506.000	0	11.506.000	0	11.506.000
281	462519	Nguyễn Chung	Hiếu	4625	BT	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	0	11.506.000	0	11.506.000	0	11.506.000
282	462523	Lê Quốc	Huy	4625	BT	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	0	11.506.000	0	11.506.000	0	11.506.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức học phí/ tín chỉ	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tiền Miễn giảm = 1.250.000 x 40th/140tc x số TC học đi	Tổng tiền	Trừ số thừa kỳ trước	Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn nợ
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện						
283	462537	Vi Gia	Nam	4625	BT	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	0	11.506.000	0	11.506.000	0	11.506.000
284	462548	Nguyễn Trịnh Ngọc	Thảo	4625	BT	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	0	11.506.000	0	11.506.000	0	11.506.000
285	462549	Nguyễn Phương	Thủy	4625	BT	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	0	11.506.000	0	11.506.000	0	11.506.000
286	462558	Nguyễn Thị Thùy	Dương	4625	BT	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	0	11.506.000	0	11.506.000	0	11.506.000
287	462559	Sầm Mỹ	Hạnh	4625	BT	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	0	11.506.000	0	11.506.000	0	11.506.000
288	462563	Nguyễn Lê Hiếu	Thảo	4625	BT	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	0	11.506.000	0	11.506.000	0	11.506.000
289	462602	Hoa Lan	Anh	4626	BT	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	0	11.506.000	0	11.506.000	0	11.506.000
290	462605	Nguyễn Ngọc	ánh	4626	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	0	12.552.000	0	12.552.000
291	462611	Đinh Khánh	Chi	4626	BT	523.000	30	0	0	15.690.000	0	0	0	15.690.000	0	15.690.000	0	15.690.000
292	462612	Ngô Thị Quỳnh	Chi	4626	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	0	12.552.000	0	12.552.000
293	462615	Bùi Thị Xuân	Đan	4626	BT	523.000	24	0	0	12.552.000	0	0	0	12.552.000	0	12.552.000	0	12.552.000
294	462620	Phạm Thanh	Hiền	4626	BT	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	0	11.506.000	0	11.506.000	11.506.000	0
295	462623	Vũ Anh	Hùng	4626	BT	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	0	11.506.000	0	11.506.000	0	11.506.000
296	462625	Đoàn Việt	Khoa	4626	BT	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	0	11.506.000	0	11.506.000	0	11.506.000
297	462648	Đỗ Anh	Thư	4626	BT	523.000	38	0	0	19.874.000	0	0	0	19.874.000	0	19.874.000	13.468.000	6.406.000
298	462650	Hà	Trang	4626	BT	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	0	11.506.000	0	11.506.000	0	11.506.000
299	462655	Nguyễn Hoàng	Yến	4626	BT	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	0	11.506.000	0	11.506.000	0	11.506.000
300	462657	Lưu Hồng	Cánh	4626	BT	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	0	11.506.000	0	11.506.000	0	11.506.000
301	462662	Bùi Hà	Minh	4626	BT	523.000	22	0	0	11.506.000	0	0	0	11.506.000	0	11.506.000	0	11.506.000
302	463036	Đoàn Thanh	Thúy	4630	BT	523.000	17	0	0	8.891.000	0	0	0	8.891.000	0	8.891.000	0	8.891.000
303	463402	Dương Quang	Anh	4634	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
304	463403	Hoàng Ngọc	Anh	4634	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
305	463404	Lê Nguyễn Quỳnh	Anh	4634	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
306	463405	Ngô Ngọc Phan	Anh	4634	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
307	463410	H' Nê Vang	Byã	4634	GHP70	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	5.750.000	6.279.000	0	6.279.000	0	6.279.000
308	463422	Trần Minh	Đức	4634	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
309	463429	Đặng Quốc	Huy	4634	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
310	463431	Vũ Quang	Huy	4634	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
311	463432	Nguyễn Thanh	Huyền	4634	GHP50	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	4.107.143	7.921.857	0	7.921.857	0	7.921.857
312	463433	Lê Minh	Hùng	4634	BT	523.000	28	3	0	14.644.000	1.569.000	0	0	16.213.000	0	16.213.000	0	16.213.000
313	463440	Lê Xuân Đức	Lộc	4634	BT	523.000	27	0	0	14.121.000	0	0	0	14.121.000	0	14.121.000	0	14.121.000
314	463445	Bùi Hoàng	Nam	4634	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	2.682.000	9.347.000	0	9.347.000
315	463451	Vũ Thị Tuyết	Nhung	4634	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
316	463453	Nguyễn Đăng Minh	Phương	4634	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
317	463458	Triều Thị Hồng	Thái	4634	BT	523.000	29	0	0	15.167.000	0	0	0	15.167.000	0	15.167.000	0	15.167.000
318	463459	Đào Phương	Thảo	4634	BT	523.000	27	0	0	14.121.000	0	0	0	14.121.000	0	14.121.000	0	14.121.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức học phí/ tín chỉ	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tiền Miễn giảm = 1.250.000 x 40th/140tc x số TC học đi	Tổng tiền	Trừ số thừa kỳ trước	Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn nợ
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện						
319	463463	Chữ Vũ Anh	Thư	4634	BT	805.000	26	0	0	20.930.000	0	0	0	20.930.000	0	20.930.000	0	20.930.000
320	463467	Lê Quang	Trung	4634	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
321	463468	K'	Trưởng	4634	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
322	463473	Trần Thị Thu	Yên	4634	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
323	463474	Đàm Văn	Ơn	4634	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
324	463475	Dương Văn	Anh	4634	MHP	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	8.214.286	3.814.714	0	3.814.714	0	3.814.714
325	463476	Nguyễn Hải	Anh	4634	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
326	463480	Nguyễn Nam	Hải	4634	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
327	463482	Bùi Quang	Hiếu	4634	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
328	463485	Nguyễn Minh	Hoàng	4634	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
329	463486	Nguyễn Minh	Hoàng	4634	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
330	463487	Nguyễn Thanh	Hùng	4634	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
331	463490	Ngô Khánh	Linh	4634	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
332	463491	Nguyễn Phương	Mai	4634	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
333	463496	Bùi Lê Quỳnh	Trang	4634	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
334	463497	Lê Linh	Trang	4634	BT	805.000	21	0	0	16.905.000	0	0	0	16.905.000	0	16.905.000	10.983.000	5.922.000
335	463499	Cao Thị Trà	My	4634	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
336	463504	Ngô Thị Lan	Anh	4635	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
337	463506	Phạm Phan	Anh	4635	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
338	463509	Vì Thị Mơ	Bkrông	4635	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
339	463512	Nguyễn Văn	Cường	4635	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
340	463513	Nguyễn Thị	Duyên	4635	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
341	463521	Nguyễn Thị Thanh	Hà	4635	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
342	463532	Nguyễn Quốc	Hung	4635	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
343	463546	Phạm Hoàng Bảo	Ngọc	4635	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
344	463548	Phạm Thị Thanh	Nhân	4635	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
345	463549	Nguyễn Hiền Yên	Nhi	4635	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
346	463550	Trương An	Ninh	4635	BT	805.000	27	0	0	21.735.000	0	0	0	21.735.000	0	21.735.000	8.700.000	13.035.000
347	463554	Vũ Anh	Quân	4635	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
348	463558	Lê Bá Hồng	Thái	4635	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
349	463560	Nông Hoàng	Thảo	4635	GHP70	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	5.750.000	6.279.000	0	6.279.000	0	6.279.000
350	463561	Nguyễn Đức	Thắng	4635	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
351	463562	Nguyễn Doãn	Thuận	4635	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
352	463564	Hoàng Thu	Trang	4635	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
353	463575	Bùi Văn Đức	Anh	4635	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
354	463577	Nguyễn Hải	Anh	4635	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức học phí/ tín chi	Loại đăng ký tín chi			Thành tiền			Tiền Miễn giảm = 1.250.000 x 40th/140tc x số TC học đi	Tổng tiền	Trừ số thừa kỳ trước	Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn nợ
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện						
355	463582	Trần Hiếu	Huy	4635	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
356	463585	Nguyễn Phương	Mai	4635	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
357	463588	Phùng Quang	Quý	4635	BT	805.000	28	0	0	22.540.000	0	0	0	22.540.000	0	22.540.000	15.730.000	6.810.000
358	463591	Nguyễn Thị	Thảo	4635	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
359	463596	Lê Quang	Trường	4635	BT	523.000	23	0	0	12.029.000	0	0	0	12.029.000	0	12.029.000	0	12.029.000
TỔNG CỘNG										4.320.502.000	11.506.000	0	664.214.286	3.667.793.714	9.461.800	3.658.331.914	177.356.200	3.480.975.714

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA K47 NỢ HỌC PHÍ
Học kỳ I năm học 2023-2024
(Kèm theo Thông báo số **199**/TB-ĐHLHN ngày **25**/01/2024 của Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Số tiền/tín chỉ	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tiền Miễn giảm = 1.250.000 x 40th/140tc x số TC học đi	Tổng tiền	Số thừa kỳ II(22-23)	Số phải nộp	Số đã thu cập nhật 23/01/24	Còn nợ
							Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện						
1	470105	Vũ Phương	Trang	4701	BT	685.000	12	0	0	8.220.000	0	0	0	8.220.000	0	8.220.000	0	8.220.000
2	470116	Bùi Khánh	Chi	4701	BT	685.000	22	0	0	15.070.000	0	0	0	15.070.000	0	15.070.000	0	15.070.000
3	470117	Nguyễn Thu	Phương	4701	BT	685.000	20	4	0	13.700.000	2.740.000	0	0	16.440.000	0	16.440.000	0	16.440.000
4	470126	Phùng Hoàng Lan	Nhi	4701	MHP	685.000	21	0	0	14.385.000	0	0	7.500.000	6.885.000	0	6.885.000	0	6.885.000
5	470140	Nông Thị	Nhi	4701	MHP	685.000	18	0	0	12.330.000	0	0	6.428.571	5.901.429	0	5.901.429	0	5.901.429
6	470143	Nguyễn Đình	Cao	4701	BT	685.000	12	0	0	8.220.000	0	0	0	8.220.000	0	8.220.000	0	8.220.000
7	470147	La Thị	Băng	4701	MHP	685.000	19	0	0	13.015.000	0	0	6.785.714	6.229.286	0	6.229.286	0	6.229.286
8	470148	Lương Thị	Gia	4701	MHP	685.000	19	0	0	13.015.000	0	0	6.785.714	6.229.286	0	6.229.286	0	6.229.286
9	470150	Nguyễn Minh	Tùng	4701	BT	685.000	20	4	3	13.700.000	2.740.000	2.055.000	0	18.495.000	0	18.495.000	13.700.000	4.795.000
10	470226	Hoàng Kim	Chi	4702	BT	685.000	17	0	0	11.645.000	0	0	0	11.645.000	0	11.645.000	0	11.645.000
11	470231	Lê Thị	Hường	4702	BT	685.000	16	0	0	10.960.000	0	0	0	10.960.000	0	10.960.000	0	10.960.000
12	470240	Lò Văn Anh	Tuấn	4702	BT	685.000	12	0	0	8.220.000	0	0	0	8.220.000	0	8.220.000	0	8.220.000
13	470259	Nguyễn Đức	Manh	4702	BT	685.000	21	0	0	14.385.000	0	0	0	14.385.000	0	14.385.000	0	14.385.000
14	470267	Phạm Mạnh	Cường	4702	BT	685.000	20	0	0	13.700.000	0	0	0	13.700.000	0	13.700.000	0	13.700.000
15	470325	Ha Thị Ngọc	Huyền	4703	BT	685.000	16	0	0	10.960.000	0	0	0	10.960.000	0	10.960.000	0	10.960.000
16	470336	Trần Phương	Anh	4703	BT	685.000	22	0	0	15.070.000	0	0	0	15.070.000	0	15.070.000	0	15.070.000
17	470341	Đàm Khánh	Hoài	4703	GHP7	685.000	20	4	0	13.700.000	2.740.000	0	5.000.000	11.440.000	0	11.440.000	0	11.440.000
18	470344	Chu Thị Hồng	Thoa	4703	MHP	685.000	20	0	0	13.700.000	0	0	7.142.857	6.557.143	0	6.557.143	0	6.557.143
19	470358	Lầu Anh	Tuấn	4703	GHP7	685.000	20	4	0	13.700.000	2.740.000	0	5.000.000	11.440.000	0	11.440.000	0	11.440.000
20	470365	Lê Tuấn	Vinh	4703	BT	685.000	18	7	0	12.330.000	4.795.000	0	0	17.125.000	0	17.125.000	15.070.000	2.055.000
21	470403	Bùi Vũ Thu	Hoài	4704	MHP	685.000	19	0	0	13.015.000	0	0	6.785.714	6.229.286	0	6.229.286	0	6.229.286
22	470409	Phạm Thị ánh	Tuyết	4704	BT	685.000	18	0	0	12.330.000	0	0	0	12.330.000	0	12.330.000	0	12.330.000

23	470430	Hoàng Thị	Thơ	4704	MHP	685.000	21	0	0	14.385.000	0	0	7.500.000	6.885.000	0	6.885.000	0	6.885.000
24	470431	Nguyễn Phương	Trang	4704	BT	685.000	16	0	0	10.960.000	0	0	0	10.960.000	0	10.960.000	0	10.960.000
25	470433	Vì Khánh	Nhật	4704	GHP7	685.000	15	0	0	10.275.000	0	0	3.750.000	6.525.000	0	6.525.000	0	6.525.000
26	470434	Phạm Hà	Linh	4704	BT	685.000	21	0	0	14.385.000	0	0	0	14.385.000	0	14.385.000	8.000.000	6.385.000
27	470443	Hoàng Hải	Nam	4704	BT	685.000	22	0	0	15.070.000	0	0	0	15.070.000	0	15.070.000	0	15.070.000
28	470456	Trịnh Công	Vĩnh	4704	BT	685.000	22	0	0	15.070.000	0	0	0	15.070.000	0	15.070.000	0	15.070.000
29	470462	Hà Thị Kim	Anh	4704	BT	685.000	16	0	3	10.960.000	0	2.055.000	0	13.015.000	0	13.015.000	13.015.000	0
30	470463	Đình Thảo	Ly	4704	BT	685.000	14	0	3	9.590.000	0	2.055.000	0	11.645.000	0	11.645.000	11.645.000	0
31	470464	Nguyễn Thuý	Dung	4704	BT	685.000	12	0	0	8.220.000	0	0	0	8.220.000	0	8.220.000	0	8.220.000
32	470501	Nguyễn Hải	Huy	4705	BT	685.000	18	0	0	12.330.000	0	0	0	12.330.000	0	12.330.000	0	12.330.000
33	470521	Lục Thị Yến	Nhi	4705	MHP	685.000	19	0	0	13.015.000	0	0	6.785.714	6.229.286	0	6.229.286	0	6.229.286
34	470526	Nông Quý	Thuần	4705	GHP7	685.000	15	0	0	10.275.000	0	0	3.750.000	6.525.000	0	6.525.000	0	6.525.000
35	470545	Bùi Thị Thúy	Nga	4705	GHP7	685.000	18	0	0	12.330.000	0	0	4.500.000	7.830.000	0	7.830.000	3.699.000	4.131.000
36	470548	Nguyễn Duy	Quang	4705	BT	685.000	12	0	0	8.220.000	0	0	0	8.220.000	0	8.220.000	0	8.220.000
37	470552	Đình Thị Thanh	Huyền	4705	BT	685.000	12	0	0	8.220.000	0	0	0	8.220.000	0	8.220.000	0	8.220.000
38	470613	Ngô Hồng	Mai	4706	BT	685.000	21	0	0	14.385.000	0	0	0	14.385.000	0	14.385.000	6.400.000	7.985.000
39	470643	Châu Văn	Lộc	4706	MHP	685.000	14	0	0	9.590.000	0	0	5.000.000	4.590.000	0	4.590.000	0	4.590.000
40	470665	Đâu Thị	Thanh	4706	BT	685.000	18	0	0	12.330.000	0	0	0	12.330.000	0	12.330.000	0	12.330.000
41	470727	Bùi Trà	My	4707	BT	685.000	20	0	0	13.700.000	0	0	0	13.700.000	0	13.700.000	0	13.700.000
42	470728	Ma Doãn	Hoàn	4707	GHP7	685.000	18	0	0	12.330.000	0	0	4.500.000	7.830.000	0	7.830.000	3.699.000	4.131.000
43	470732	Vì Đức	Hiếu	4707	MHP	685.000	18	0	0	12.330.000	0	0	6.428.571	5.901.429	0	5.901.429	0	5.901.429
44	470733	Hoàng Thị Mai	Sao	4707	GHP7	685.000	22	0	0	15.070.000	0	0	5.500.000	9.570.000	0	9.570.000	4.521.000	5.049.000
45	470734	Tông Thị Thùy	Linh	4707	MHP	685.000	22	0	0	15.070.000	0	0	7.857.143	7.212.857	0	7.212.857	0	7.212.857
46	470740	Hoàng Thị	Thùy	4707	GHP7	685.000	18	0	0	12.330.000	0	0	4.500.000	7.830.000	0	7.830.000	3.699.000	4.131.000
47	470743	Đồng Hương	Trà	4707	BT	685.000	20	0	0	13.700.000	0	0	0	13.700.000	0	13.700.000	0	13.700.000
48	470750	Nguyễn Công	Tuấn	4707	BT	685.000	17	0	0	11.645.000	0	0	0	11.645.000	0	11.645.000	0	11.645.000
49	470829	Lê Văn	Hoàng	4708	BT	685.000	12	0	0	8.220.000	0	0	0	8.220.000	0	8.220.000	0	8.220.000
50	470835	Lãnh Tuấn	Khanh	4708	MHP	685.000	17	0	0	11.645.000	0	0	6.071.429	5.573.571	0	5.573.571	0	5.573.571
51	470837	Phạm Thị Tuyết	Trinh	4708	GHP7	685.000	18	0	0	12.330.000	0	0	4.500.000	7.830.000	0	7.830.000	3.699.000	4.131.000

52	470843	Phan Hải	Anh	4708	MHP	685.000	19	0	0	13.015.000	0	0	6.785.714	6.229.286	0	6.229.286	0	6.229.286
53	470860	Trần Tuấn	Kiệt	4708	BT	685.000	15	4	0	10.275.000	2.740.000	0	0	13.015.000	0	13.015.000	13.015.000	0
54	470861	Bùi Thị	Xuyên	4708	BT	685.000	19	0	0	13.015.000	0	0	0	13.015.000	0	13.015.000	0	13.015.000
55	470869	Lê Ngọc	Mai	4708	BT	685.000	12	0	0	8.220.000	0	0	0	8.220.000	0	8.220.000	0	8.220.000
56	470924	Hà Tùng	Dương	4709	BT	685.000	15	0	0	10.275.000	0	0	0	10.275.000	4.671.910	5.603.090	0	5.603.090
57	470931	H-nhung	Niê	4709	BT	685.000	17	0	0	11.645.000	0	0	0	11.645.000	0	11.645.000	0	11.645.000
58	470936	Lương Thị	Huế	4709	GHP7	685.000	17	0	0	11.645.000	0	0	4.250.000	7.395.000	0	7.395.000	3.493.500	3.901.500
59	470962	Phùng Minh	Phong	4709	BT	685.000	20	0	0	13.700.000	0	0	0	13.700.000	0	13.700.000	0	13.700.000
60	471002	Lê Ngọc Quỳnh	Anh	4710	BT	685.000	17	0	0	11.645.000	0	0	0	11.645.000	0	11.645.000	0	11.645.000
61	471027	Nguyễn Thị Linh	Trang	4710	BT	685.000	17	0	0	11.645.000	0	0	0	11.645.000	0	11.645.000	0	11.645.000
62	471030	Lê Hoàng	Linh	4710	GHP7	685.000	15	0	0	10.275.000	0	0	3.750.000	6.525.000	0	6.525.000	3.082.500	3.442.500
63	471035	Nguyễn Thị Vân	Anh	4710	BT	685.000	11	0	0	7.535.000	0	0	0	7.535.000	0	7.535.000	0	7.535.000
64	471050	Phạm Thị Yến	Nhi	4710	BT	685.000	17	0	0	11.645.000	0	0	0	11.645.000	0	11.645.000	0	11.645.000
65	471068	Phạm Việt	Phương	4710	BT	685.000	11	0	0	7.535.000	0	0	0	7.535.000	0	7.535.000	0	7.535.000
66	471139	Tăng Xuân	Lữ	4711	BT	685.000	19	0	0	13.015.000	0	0	0	13.015.000	0	13.015.000	0	13.015.000
67	471145	Bùi Trung	Hiếu	4711	BT	685.000	11	0	0	7.535.000	0	0	0	7.535.000	0	7.535.000	0	7.535.000
68	471146	Hà Tuấn	Khải	4711	MHP	685.000	22	0	0	15.070.000	0	0	7.857.143	7.212.857	0	7.212.857	0	7.212.857
69	471147	Đồng Đa Bảo	Châu	4711	BT	685.000	14	0	0	9.590.000	0	0	0	9.590.000	0	9.590.000	0	9.590.000
70	471164	Lục ý	Nhi	4711	GHP7	685.000	17	0	0	11.645.000	0	0	4.250.000	7.395.000	0	7.395.000	3.860.000	3.535.000
71	471168	Vũ Diễm	Quỳnh	4711	BT	685.000	18	4	0	12.330.000	2.740.000	0	0	15.070.000	0	15.070.000	0	15.070.000
72	471169	Hồ Ngọc	Khánh	4711	BT	685.000	11	0	0	7.535.000	0	0	0	7.535.000	0	7.535.000	0	7.535.000
73	471204	Nguyễn Thảo	Nguyễn	4712	MHP	685.000	21	0	0	14.385.000	0	0	7.500.000	6.885.000	0	6.885.000	0	6.885.000
74	471235	Vy Thị út	Hiên	4712	MHP	685.000	21	0	0	14.385.000	0	0	7.500.000	6.885.000	0	6.885.000	0	6.885.000
75	471238	Đặng Trung	Sơn	4712	BT	685.000	17	0	0	11.645.000	0	0	0	11.645.000	0	11.645.000	0	11.645.000
76	471263	Nghiêm Khánh	Linh	4712	BT	685.000	19	0	0	13.015.000	0	0	0	13.015.000	0	13.015.000	0	13.015.000
77	471268	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	4712	BT	685.000	17	0	0	11.645.000	0	0	0	11.645.000	0	11.645.000	0	11.645.000
78	471269	Lý Bá	Cha	4712	BT	685.000	18	0	0	12.330.000	0	0	0	12.330.000	0	12.330.000	10.600.000	1.730.000
79	471321	Cầm Thanh	Bình	4713	MHP	685.000	20	0	0	13.700.000	0	0	7.142.857	6.557.143	0	6.557.143	0	6.557.143
80	471326	Quách Thùy	Chinh	4713	BT	685.000	19	0	0	13.015.000	0	0	0	13.015.000	0	13.015.000	0	13.015.000

81	471327	Mac Thị Ngọc	ánh	4713	MHP	685.000	19	0	0	13.015.000	0	0	6.785.714	6.229.286	0	6.229.286	0	6.229.286
82	471340	Hoàng Mỹ	Hanh	4713	MHP	685.000	19	0	0	13.015.000	0	0	6.785.714	6.229.286	0	6.229.286	0	6.229.286
83	471345	Lương Diệu	Linh	4713	MHP	685.000	19	4	0	13.015.000	2.740.000	0	6.785.714	8.969.286	0	8.969.286	1.340.000	7.629.286
84	471346	Đặng Hà Đức	Trong	4713	BT	685.000	19	0	0	13.015.000	0	0	0	13.015.000	0	13.015.000	0	13.015.000
85	471415	Hoàng Mạnh	Long	4714	BT	685.000	15	0	0	10.275.000	0	0	0	10.275.000	0	10.275.000	0	10.275.000
86	471419	Nguyễn Mai	Loan	4714	GHP7	685.000	19	0	0	13.015.000	0	0	4.750.000	8.265.000	0	8.265.000	3.904.000	4.361.000
87	471443	Phạm Thị Hà	An	4714	BT	685.000	16	0	0	10.960.000	0	0	0	10.960.000	0	10.960.000	0	10.960.000
88	471445	Nguyễn Lương	Chánh	4714	MHP	685.000	22	0	0	15.070.000	0	0	7.857.143	7.212.857	0	7.212.857	0	7.212.857
89	471448	Linh Thị	Thủy	4714	MHP	685.000	19	0	0	13.015.000	0	0	6.785.714	6.229.286	0	6.229.286	0	6.229.286
90	471502	Phạm Thị	Yến	4715	BT	685.000	11	0	0	7.535.000	0	0	0	7.535.000	0	7.535.000	0	7.535.000
91	471503	Trần Quốc	Trung	4715	BT	685.000	19	0	0	13.015.000	0	0	0	13.015.000	0	13.015.000	8.343.000	4.672.000
92	471519	Đàm Thị Kim	Ngân	4715	MHP	685.000	19	0	0	13.015.000	0	0	6.785.714	6.229.286	0	6.229.286	0	6.229.286
93	471521	Nguyễn Thị Minh	Hồng	4715	BT	685.000	11	0	0	7.535.000	0	0	0	7.535.000	0	7.535.000	0	7.535.000
94	471534	Sầm Quý	Đôn	4715	MHP	685.000	13	0	0	8.905.000	0	0	4.642.857	4.262.143	0	4.262.143	0	4.262.143
95	471552	Đặng Ngọc	Đang	4715	BT	685.000	13	0	0	8.905.000	0	0	0	8.905.000	0	8.905.000	0	8.905.000
96	471565	Khuong Minh	Khoa	4715	BT	685.000	11	0	0	7.535.000	0	0	0	7.535.000	0	7.535.000	0	7.535.000
97	471620	Trần Thị Mỹ	Duyên	4716	MHP	685.000	20	0	0	13.700.000	0	0	7.142.857	6.557.143	0	6.557.143	0	6.557.143
98	471621	Lê Diệu	Linh	4716	BT	685.000	19	0	0	13.015.000	0	0	0	13.015.000	0	13.015.000	0	13.015.000
99	471647	Hứa Anh	Tú	4716	BT	685.000	18	0	0	12.330.000	0	0	0	12.330.000	0	12.330.000	10.000.000	2.330.000
100	471656	Chữ Hoàng	Dũng	4716	BT	685.000	19	0	0	13.015.000	0	0	0	13.015.000	0	13.015.000	0	13.015.000
101	471659	Vũ Thanh	Tùng	4716	BT	685.000	19	0	0	13.015.000	0	0	0	13.015.000	0	13.015.000	0	13.015.000
102	471709	Lương Thị Trà	My	4717	BT	685.000	20	0	0	13.700.000	0	0	0	13.700.000	0	13.700.000	0	13.700.000
103	471719	Dương Thị Ngọc	Lâm	4717	BT	685.000	16	0	0	10.960.000	0	0	0	10.960.000	0	10.960.000	0	10.960.000
104	471720	Phạm Thành	Lực	4717	BT	685.000	20	0	0	13.700.000	0	0	0	13.700.000	0	13.700.000	0	13.700.000
105	471721	Lương Thị	Khuyến	4717	MHP	685.000	16	0	0	10.960.000	0	0	5.714.286	5.245.714	0	5.245.714	0	5.245.714
106	471729	Bùi Việt	Dũng	4717	BT	685.000	19	0	0	13.015.000	0	0	0	13.015.000	0	13.015.000	0	13.015.000
107	471733	La Thu	Nguyệt	4717	MHP	685.000	19	0	0	13.015.000	0	0	6.785.714	6.229.286	0	6.229.286	0	6.229.286
108	471753	Lô Văn	Tùng	4717	MHP	685.000	16	0	0	10.960.000	0	0	5.714.286	5.245.714	0	5.245.714	0	5.245.714
109	471757	Lê Văn	Hiển	4717	MHP	685.000	20	0	0	13.700.000	0	0	7.142.857	6.557.143	0	6.557.143	0	6.557.143

110	471819	Dương Thị Thu	Hà	4718	BT	685.000	16	0	0	10.960.000	0	0	0	10.960.000	0	10.960.000	0	10.960.000
111	471821	Lý Thị Thu	Mỹ	4718	BT	685.000	20	0	0	13.700.000	0	0	0	13.700.000	0	13.700.000	0	13.700.000
112	471822	Lê Thị	Hằng	4718	MHP	685.000	16	0	0	10.960.000	0	0	5.714.286	5.245.714	0	5.245.714	0	5.245.714
113	471834	Trần Thị Mai	Hương	4718	MHP	685.000	20	0	0	13.700.000	0	0	7.142.857	6.557.143	0	6.557.143	0	6.557.143
114	471841	Nguyễn Trung	Hiếu	4718	BT	685.000	19	0	0	13.015.000	0	0	0	13.015.000	0	13.015.000	0	13.015.000
115	471844	Trần Ngọc	Dũng	4718	BT	685.000	19	0	0	13.015.000	0	0	0	13.015.000	0	13.015.000	0	13.015.000
116	471849	Cao Thị Mỹ	Duyên	4718	MHP	685.000	20	0	0	13.700.000	0	0	7.142.857	6.557.143	0	6.557.143	0	6.557.143
117	471852	Phạm Thị Thảo	Nhung	4718	BT	685.000	16	0	0	10.960.000	0	0	0	10.960.000	0	10.960.000	0	10.960.000
118	471853	Trần Doãn	Hung	4718	BT	685.000	16	0	0	10.960.000	0	0	0	10.960.000	0	10.960.000	0	10.960.000
119	471859	Nguyễn Thùy	Trang	4718	MHP	685.000	20	0	0	13.700.000	0	0	7.142.857	6.557.143	0	6.557.143	0	6.557.143
120	471860	Tạ Đức	Hiệp	4718	BT	685.000	16	0	0	10.960.000	0	0	0	10.960.000	0	10.960.000	0	10.960.000
121	471909	Nguyễn Hà	Vi	4719	BT	685.000	16	0	0	10.960.000	0	0	0	10.960.000	0	10.960.000	0	10.960.000
122	471924	Hà Thị Vân	An	4719	BT	685.000	16	0	0	10.960.000	0	0	0	10.960.000	0	10.960.000	0	10.960.000
123	471925	Lô Thị Kiều	Oanh	4719	MHP	685.000	20	0	0	13.700.000	0	0	7.142.857	6.557.143	0	6.557.143	0	6.557.143
124	471935	Lô Thị	Sú	4719	GHP7	685.000	19	0	0	13.015.000	0	0	4.750.000	8.265.000	0	8.265.000	0	8.265.000
125	471943	Triệu Thị	Hương	4719	MHP	685.000	20	0	0	13.700.000	0	0	7.142.857	6.557.143	0	6.557.143	0	6.557.143
126	471951	Nông Thị	Nhung	4719	MHP	685.000	20	0	0	13.700.000	0	0	7.142.857	6.557.143	0	6.557.143	0	6.557.143
127	471962	Nguyễn Thái Ngọc	Nhi	4719	BT	685.000	20	0	0	13.700.000	0	0	0	13.700.000	0	13.700.000	0	13.700.000
128	471963	Hoàng Thị Ngọc	Trang	4719	MHP	685.000	20	0	0	13.700.000	0	0	7.142.857	6.557.143	0	6.557.143	0	6.557.143
129	472013	Nguyễn Ngọc Hải	Yến	4720	MHP	685.000	20	0	0	13.700.000	0	0	7.142.857	6.557.143	0	6.557.143	0	6.557.143
130	472019	Nguyễn Thị	Chi	4720	MHP	685.000	20	0	0	13.700.000	0	0	7.142.857	6.557.143	0	6.557.143	0	6.557.143
131	472038	Lã Ngọc	Huân	4720	MHP	685.000	16	0	0	10.960.000	0	0	5.714.286	5.245.714	0	5.245.714	0	5.245.714
132	472042	Nguyễn Hiền	Minh	4720	BT	685.000	16	0	0	10.960.000	0	0	0	10.960.000	0	10.960.000	0	10.960.000
133	472046	Hoàng Khánh	Toàn	4720	BT	685.000	16	0	0	10.960.000	0	0	0	10.960.000	0	10.960.000	0	10.960.000
134	472050	Hoàng Thị	Thảo	4720	MHP	685.000	20	0	0	13.700.000	0	0	7.142.857	6.557.143	0	6.557.143	0	6.557.143
135	472056	Bùi Thị	Hạnh	4720	MHP	685.000	20	0	0	13.700.000	0	0	7.142.857	6.557.143	0	6.557.143	0	6.557.143
136	472061	Lương Thùy	Ngân	4720	GHP7	685.000	20	0	0	13.700.000	0	0	5.000.000	8.700.000	0	8.700.000	4.110.000	4.590.000
137	472101	Hoàng Thị	Thảo	4721	MHP	685.000	20	0	0	13.700.000	0	0	7.142.857	6.557.143	0	6.557.143	0	6.557.143
138	472142	Tông Thị	Diệp	4721	BT	685.000	16	0	0	10.960.000	0	0	0	10.960.000	0	10.960.000	0	10.960.000

139	472143	Nguyễn ái	Duyệt	4721	GHP7	685.000	16	0	0	10.960.000	0	0	4.000.000	6.960.000	0	6.960.000	0	6.960.000
140	472145	Bùi Thủy	Vân	4721	MHP	685.000	20	0	0	13.700.000	0	0	7.142.857	6.557.143	0	6.557.143	0	6.557.143
141	472146	Lê Quang	Huy	4721	BT	685.000	20	0	0	13.700.000	0	0	0	13.700.000	0	13.700.000	0	13.700.000
142	472152	Âu Kim	Hạnh	4721	BT	685.000	20	0	0	13.700.000	0	0	0	13.700.000	0	13.700.000	0	13.700.000
143	472155	Lý Đức	Thắng	4721	MHP	685.000	20	0	0	13.700.000	0	0	7.142.857	6.557.143	0	6.557.143	0	6.557.143
144	472222	Nguyễn Hùng	Nam	4722	BT	685.000	19	0	0	13.015.000	0	0	0	13.015.000	0	13.015.000	0	13.015.000
145	472225	Lê Bá Nguyên	Long	4722	BT	685.000	16	0	0	10.960.000	0	0	0	10.960.000	0	10.960.000	0	10.960.000
146	472253	Lương Văn	Hoàng	4722	GHP7	685.000	16	0	0	10.960.000	0	0	4.000.000	6.960.000	0	6.960.000	0	6.960.000
147	472262	Long Văn	Môn	4722	MHP	685.000	19	0	0	13.015.000	0	0	6.785.714	6.229.286	0	6.229.286	0	6.229.286
148	472328	Lê Đình Minh	Hiếu	4723	BT	685.000	17	0	3	11.645.000	0	2.055.000	0	13.700.000	0	13.700.000	0	13.700.000
149	472448	Trương Phương	Trang	4724	BT	685.000	17	0	0	11.645.000	0	0	0	11.645.000	0	11.645.000	0	11.645.000
150	472501	Đỗ Phương	Linh	4725	BT	685.000	17	4	0	11.645.000	2.740.000	0	0	14.385.000	0	14.385.000	11.645.000	2.740.000
151	472502	Trần Như	Diên	4725	BT	685.000	17	0	0	11.645.000	0	0	0	11.645.000	0	11.645.000	0	11.645.000
152	472524	Vương Minh	Châu	4725	BT	685.000	17	4	0	11.645.000	2.740.000	0	0	14.385.000	0	14.385.000	0	14.385.000
153	472528	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	4725	BT	685.000	17	0	0	11.645.000	0	0	0	11.645.000	0	11.645.000	0	11.645.000
154	472532	Bùi Minh	Anh	4725	BT	685.000	17	0	0	11.645.000	0	0	0	11.645.000	0	11.645.000	0	11.645.000
155	472553	Trần Minh	Ngọc	4725	BT	685.000	17	4	0	11.645.000	2.740.000	0	0	14.385.000	0	14.385.000	11.645.000	2.740.000
156	472556	Nguyễn Nhật	Linh	4725	BT	685.000	17	0	0	11.645.000	0	0	0	11.645.000	0	11.645.000	0	11.645.000
157	472565	Hoàng Phương	Mai	4725	BT	685.000	17	0	0	11.645.000	0	0	0	11.645.000	0	11.645.000	0	11.645.000
158	472629	Vũ Thu	Huyền	4726	BT	685.000	19	0	0	13.015.000	0	0	0	13.015.000	0	13.015.000	0	13.015.000
159	472658	Lê Quỳnh	My	4726	BT	685.000	19	0	0	13.015.000	0	0	0	13.015.000	0	13.015.000	0	13.015.000
160	472707	Nguyễn Bá	Dũng	4727	BT	685.000	19	0	0	13.015.000	0	0	0	13.015.000	0	13.015.000	0	13.015.000
161	472732	Đặng Tuấn	Cường	4727	BT	685.000	19	0	0	13.015.000	0	0	0	13.015.000	0	13.015.000	0	13.015.000
162	472753	Dương Ngọc	Triệu	4727	BT	685.000	19	0	0	13.015.000	0	0	0	13.015.000	0	13.015.000	7.015.000	6.000.000
163	472823	Đỗ Minh	Ngọc	4728	BT	685.000	19	0	0	13.015.000	0	0	0	13.015.000	0	13.015.000	0	13.015.000
164	472830	Lý Tiểu	Điệp	4728	MHP	685.000	19	0	0	13.015.000	0	0	6.785.714	6.229.286	0	6.229.286	0	6.229.286
165	472851	Bùi Bích	Nga	4728	BT	685.000	19	0	0	13.015.000	0	0	0	13.015.000	0	13.015.000	690.000	12.325.000
166	53401020003	Phạm Hà	An	4728	BT	805.000	15	0	0	12.075.000	0	0	0	12.075.000	0	12.075.000	0	12.075.000
167	473705	Ngô Trung	Anh	4737	BT	685.000	27	0	0	18.495.000	0	0	0	18.495.000	0	18.495.000	0	18.495.000

168	473708	Nguyễn Sơn	Bách	4737	BT	685.000	23	0	0	15.755.000	0	0	0	15.755.000	0	15.755.000	0	15.755.000
169	473713	Nguyễn Quốc	Cường	4737	BT	685.000	27	0	0	18.495.000	0	0	0	18.495.000	0	18.495.000	0	18.495.000
170	473722	Tăng Tiến	Đạt	4737	BT	685.000	27	0	0	18.495.000	0	0	0	18.495.000	0	18.495.000	0	18.495.000
171	473749	Phan Nguyễn Long	Nhi	4737	BT	685.000	27	0	0	18.495.000	0	0	0	18.495.000	0	18.495.000	0	18.495.000
172	473757	Trần Bích	Thuận	4737	BT	685.000	27	0	0	18.495.000	0	0	0	18.495.000	0	18.495.000	0	18.495.000
173	473768	Đỗ Trọng	Tuấn	4737	BT	685.000	27	0	0	18.495.000	0	0	0	18.495.000	0	18.495.000	0	18.495.000
174	473772	Trần Thảo	Vy	4737	BT	685.000	23	0	0	15.755.000	0	0	0	15.755.000	0	15.755.000	0	15.755.000
175	473810	Dương Bá	Chung	4738	BT	685.000	27	0	0	18.495.000	0	0	0	18.495.000	0	18.495.000	0	18.495.000
176	473812	Nguyễn Hùng	Cường	4738	BT	685.000	27	0	0	18.495.000	0	0	0	18.495.000	0	18.495.000	0	18.495.000
177	473818	Phan Minh	Dũng	4738	BT	685.000	27	0	0	18.495.000	0	0	0	18.495.000	0	18.495.000	0	18.495.000
178	473822	Văn Quốc	Đạt	4738	BT	685.000	27	0	0	18.495.000	0	0	0	18.495.000	0	18.495.000	0	18.495.000
179	473828	Phạm Vũ Thu	Huyền	4738	BT	685.000	27	0	0	18.495.000	0	0	0	18.495.000	0	18.495.000	0	18.495.000
180	473836	Hoàng	Lịch	4738	MHP	685.000	27	0	0	18.495.000	0	0	9.642.857	8.852.143	0	8.852.143	0	8.852.143
181	473838	Nguyễn Hoàng Nhật	Minh	4738	BT	685.000	27	0	0	18.495.000	0	0	0	18.495.000	0	18.495.000	0	18.495.000
182	473854	Hà Quang	Sơn	4738	BT	685.000	23	0	0	15.755.000	0	0	0	15.755.000	0	15.755.000	0	15.755.000
183	473865	Tô Quỳnh	Trang	4738	BT	685.000	27	0	0	18.495.000	0	0	0	18.495.000	0	18.495.000	0	18.495.000
184	473868	Nguyễn Minh	Tâm	4738	BT	685.000	27	0	0	18.495.000	0	0	0	18.495.000	0	18.495.000	0	18.495.000
Tổng cộng							3.411	47	12	2.338.335.000	32.195.000	8.220.000	407.178.571	1.971.571.429	4.671.910	1.966.899.519	179.890.000	1.787.009.519

Handwritten signature